

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thị Ngọc Trâm
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Thị Ngọc Trâm
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng**

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Ngọc Trâm

Mã SV: 1312401144

Lớp: QT1703K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân.
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Hoài Ân

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên Người hướng dẫn

Đào Thị Ngọc Trâm ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

+ Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.

+ Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.

+ Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.1.1. Doanh thu	3
1.1.1.2. Chi phí.....	5
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	7
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	7
1.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh.....	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	11
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	11
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	12
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	16
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	16
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	16
1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	18
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	18
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	18
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	18
1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	20
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	20
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	20

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	20
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	22
1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	22
1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	22
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	23
1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	23
1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	24
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN.....	26
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN	26
2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh	26
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	27
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	28
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán	28
2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	30
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	30
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	30
2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	30
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀI ÂN	31
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.....	31
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng	31
2.2.1.4. Quy trình hạch toán.....	32
2.2.1.5. Ví dụ minh họa.....	33
2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng.....	44
2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty	44
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng	44
2.2.2.4. Quy trình hạch toán.....	44
2.2.2.5. Ví dụ minh họa.....	45
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	50
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	50
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng	50
2.2.3.3. Quy trình hạch toán.....	50

2.2.3.4. Ví dụ minh họa.....	50
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	55
2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty	55
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	55
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng	55
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.....	55
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	62
2.2.5.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh	62
2.2.5.2. Chứng từ sử dụng.....	62
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng	62
2.2.5.4. Quy trình hạch toán.....	62
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC	
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT	
ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN	70
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ	
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY	
TNHH HOÀI ÂN	70
3.1.1. Ưu điểm.....	70
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác	
định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty	71
3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN	
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI	
CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN	72
3.2.1. Ứng dụng phần mềm kế toán	73
3.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty.....	76
3.2.3. Mở sổ nhật ký đặc biệt trong công tác kế toán bán hàng.....	80
3.2.4. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.....	83
KẾT LUẬN	89

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp.....	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý.....	10
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức đổi hàng	10
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp.....	11
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	13
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	14
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	15
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	17
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	19
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	21
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung trong KT doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	22
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.....	23
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	24
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD	25
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Hoài Ân	27
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Hoài Ân	32
Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn tại công ty TNHH Hoài Ân.....	44
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Hoài Ân	50
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí kinh doanh tại công ty TNHH Hoài Ân	56
Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoài Ân	63
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoài Ân.....	63

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000731	34
Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000745	35
Biểu 2.3: Phiếu thu số 35	36
Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung	37
Biểu 2.5: Sổ cái TK 511	38
Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng	39
Biểu 2.7: Sổ chi tiết bán hàng	40
Biểu 2.8: Sổ tổng hợp chi tiết bán hàng	41
Biểu 2.9: Sổ chi tiết thanh toán với người mua	42
Biểu 2.10: Sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua	43
Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 29/12	46
Biểu 2.12: Phiếu xuất kho số 32/12	47
Biểu 2.13: Sổ nhật ký chung	48
Biểu 2.14: Sổ cái TK 632	49
Biểu 2.15: Giấy báo có	51
Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung	52
Biểu 2.17: Sổ cái TK 515	53
Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT số 0219057	57
Biểu 2.19: Phiếu chi số 26	58
Biểu 2.20: Bảng danh mục TSCĐ và mức trích khấu hao	59
Biểu 2.21: Sổ nhật ký chung	60
Biểu 2.22: Sổ cái TK 642	61
Biểu 2.23: Phiếu hạch toán	64
Biểu 2.24: Phiếu hạch toán	65
Biểu 2.25: Phiếu hạch toán	65
Biểu 2.26: Phiếu hạch toán	66
Biểu 2.27: Phiếu hạch toán	66
Biểu 2.28: Sổ nhật ký chung	67
Biểu 2.29: Sổ cái TK 911	68
Biểu 2.30: Sổ cái TK 421	69
Biểu 3.1: Phiếu xuất kho số 29/12	77
Biểu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán	78
Biểu 3.3: Sổ tổng hợp giá vốn hàng bán	79

Biểu 3.4: Sổ nhật ký bán hàng	81
Biểu 3.5: Sổ Nhật ký thu tiền.....	82
Biểu 3.6: Hóa đơn GTGT số 0000731	85
Biểu 3.7: Phiếu hạch toán số 25/12.....	86
Biểu 3.8: Sổ nhật ký chung	87
Biểu 3.9: Sổ cái TK 521	88

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong nền kinh tế hiện nay, một doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ, dù hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề nào cũng đều luôn quan tâm tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình. Nó là chỉ tiêu phản ánh kết quả mà doanh nghiệp đạt được trong cả một giai đoạn, là kết quả quá trình lao động miệt mài của tập thể cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp. Song, để có được một kết quả hoạt động kinh doanh chính xác, một mức lợi nhuận cao cần có sự kết hợp hài hòa, hợp lý giữa việc tăng doanh thu với việc kiểm soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí của doanh nghiệp. Bởi vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh mà công ty đạt được.

Bên cạnh đó, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những thông tin không chỉ quan trọng với chính doanh nghiệp mà còn quan trọng với các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các cơ quan tài chính và với Nhà nước... Các thông tin này được đội ngũ kế toán trong công ty tập hợp và phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị doanh nghiệp muốn có số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh đáng tin cậy thì cần tổ chức tốt đội ngũ nhân viên và một quy trình kế toán phù hợp với đơn vị mình nhưng cũng cần tối thiểu hóa chi phí và có hiệu quả cao. Đây không phải nhiệm vụ dễ dàng, nhất là khi nền kinh tế đang ngày càng phức tạp và gặp nhiều khó khăn.

Sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng, nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề kết hợp với mong muốn được đi sâu tìm hiểu về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, em đã mạnh dạn lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại Công ty TNHH Hoài Ân**”.

2. Mục tiêu của đề tài

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Mô tả thực trạng, phân tích, đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân.

- Đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại Công ty TNHH Hoài Ân

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài được thực hiện tại Phòng Kế toán – Tài chính Công ty TNHH Hoài Ân, việc phân tích được thực hiện trên số liệu của năm 2017.

- Thời gian nghiên cứu: từ ngày 06/02/2017 đến ngày 18/03/2017

4. Phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu được thực hiện dựa trên các phương pháp:

- Các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu và kế thừa các thành tựu.

- Phương pháp chuyên gia.

- Phương pháp trực quan.

- Phương pháp thu thập số liệu.

- Phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh.

5. Kết cấu của đề tài.

- **Chương I:** Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

- **Chương II:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân.

- **Chương III:** Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ
NHỎ****1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*****1.1.1.1. Doanh thu*****Khái niệm**

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

- Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không gồm lãi trả chậm, trả góp.

Các khoản giảm trừ doanh thu

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.2. Chi phí

Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Theo chuẩn mực kế toán 02 có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

+ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động của doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

+ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sản xuất} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh doanh} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận tài} & & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí tài} \\ \text{chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{chính} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận hoạt} & & \text{Thu nhập hoạt} & & \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động khác} & = & \text{động khác} & - & \text{động khác} \end{array}$$

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng lợi nhuận kế} & = & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & + & \text{Lợi} \\ \text{toán trước thuế} & & \text{động SXKD} & & \text{nhuận} \\ & & & & \text{từ} \\ & & & & \text{hoạt động tài} \\ & & & & \text{chính} \\ & & & & \text{chính} \\ & & & & \text{nhuận} \\ & & & & \text{khác} \end{array}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Thuế TNDN} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & \times & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{phải nộp} & & \text{toán trước thuế} & & \text{TNDN} \end{array}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận sau} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} & - & \text{Thuế TNDN} \\ \text{thuế TNDN} & & \text{trước thuế} & & \text{phải nộp} \end{array}$$

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tiểu khoản:

+ Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

+ Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

+ Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

+ Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

+ Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp

+ Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt

+ Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

Kết cấu tài khoản 333

Nợ	TK 333	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

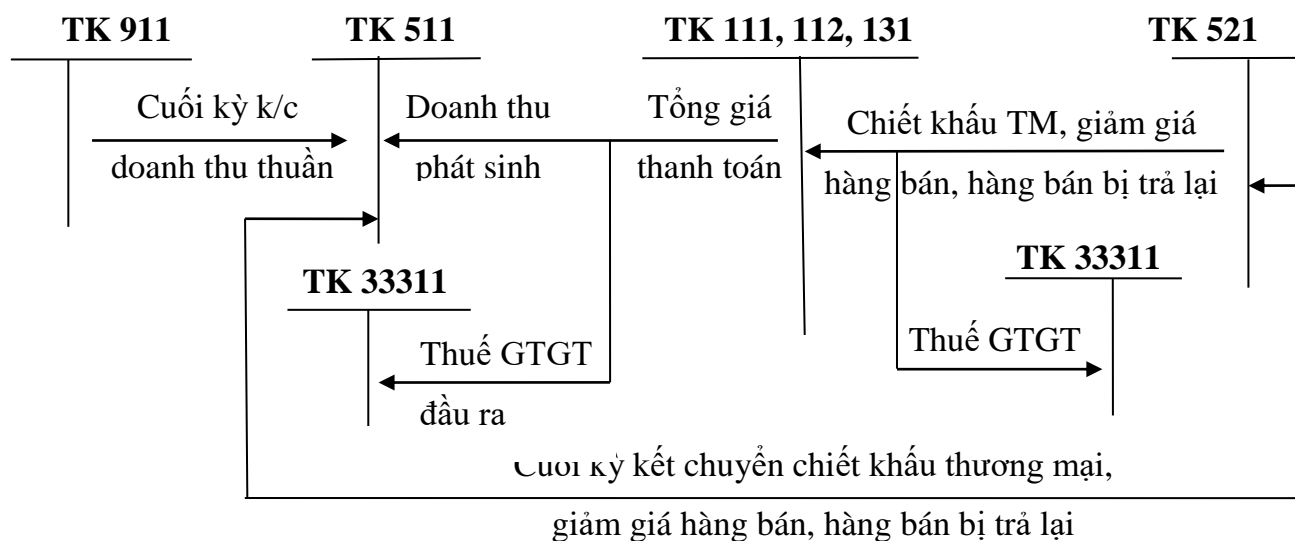
Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) của tài khoản 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số

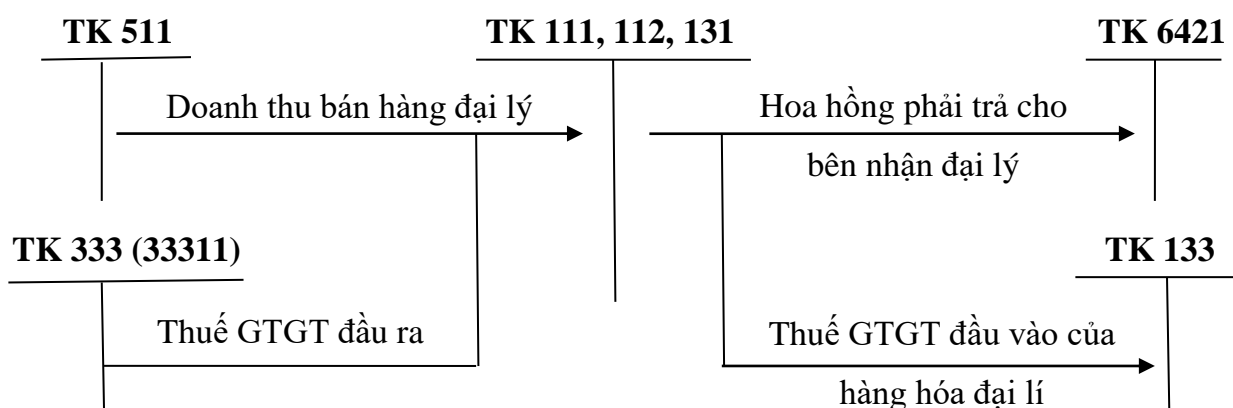
thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

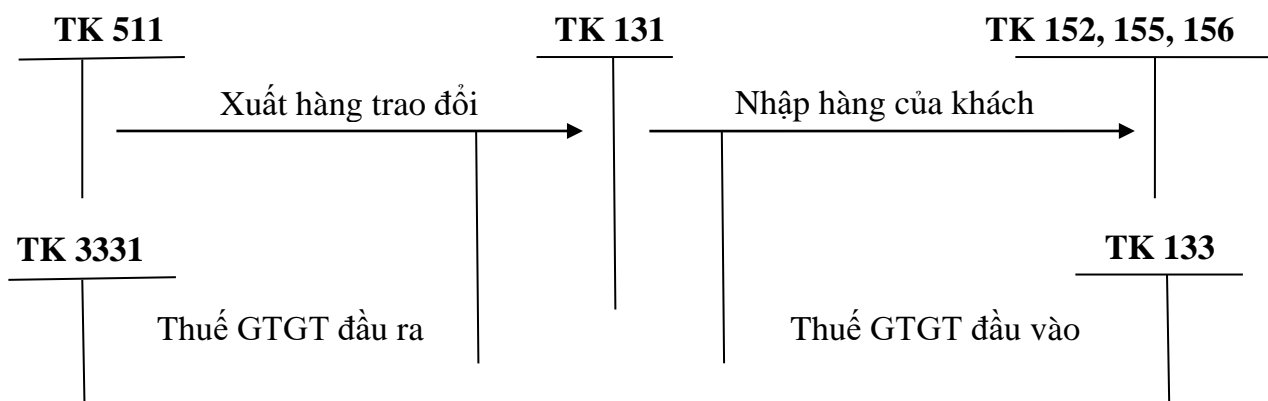
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp

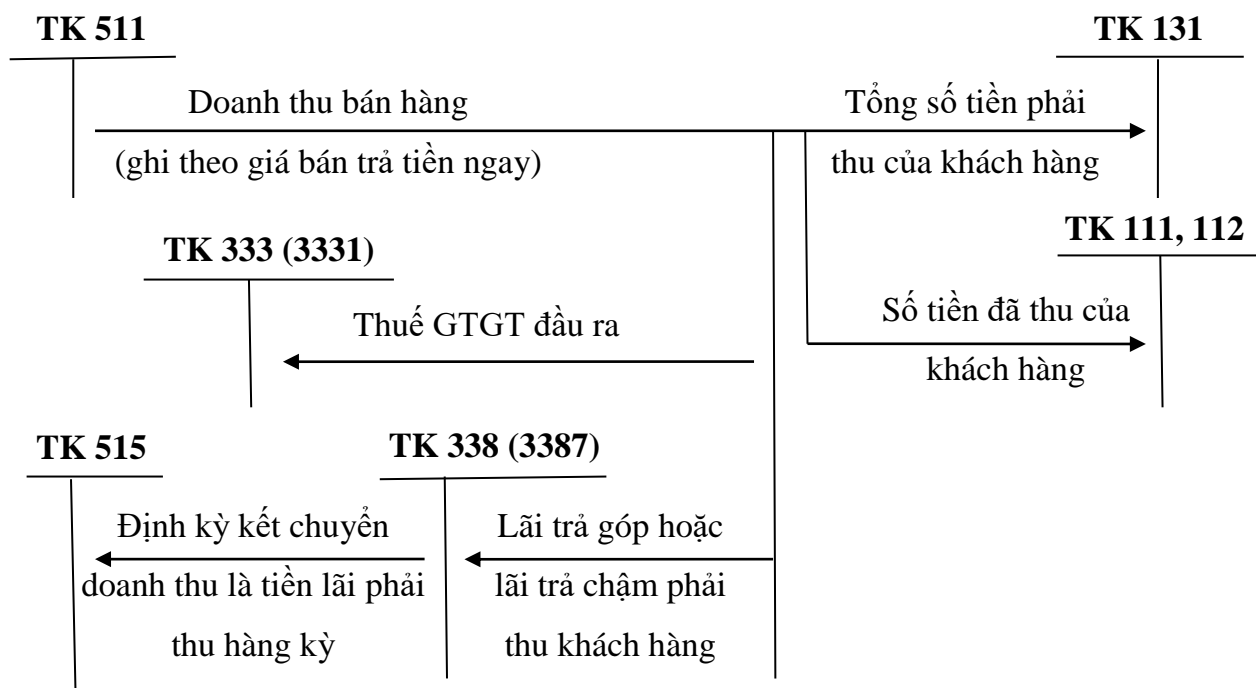


Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức đổi hàng



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp**1.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh****1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

- Dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 632

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tiểu khoản:
- + Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- + Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

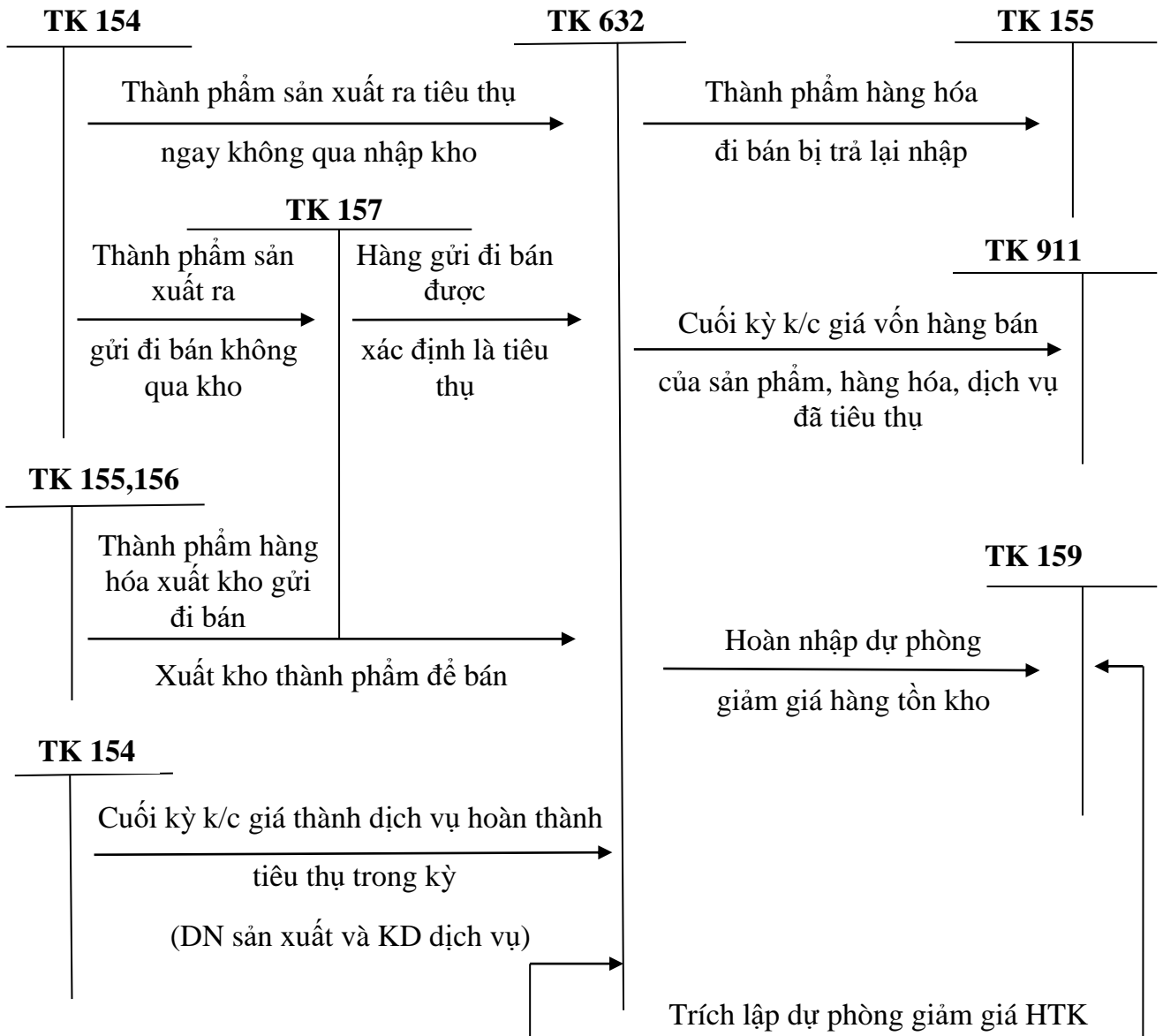
Kết cấu tài khoản 642

Nợ	TK 642	Có
- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

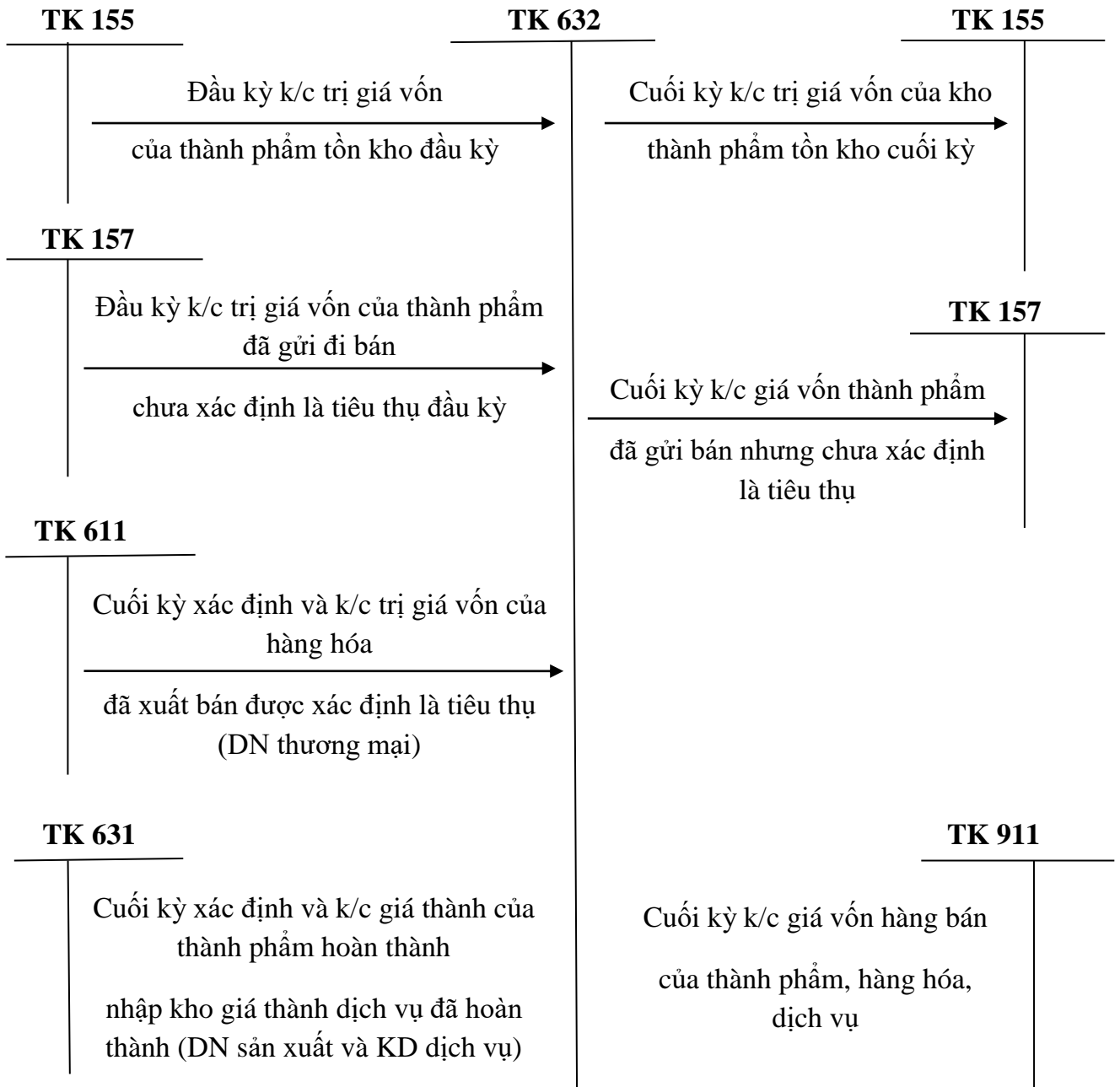
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

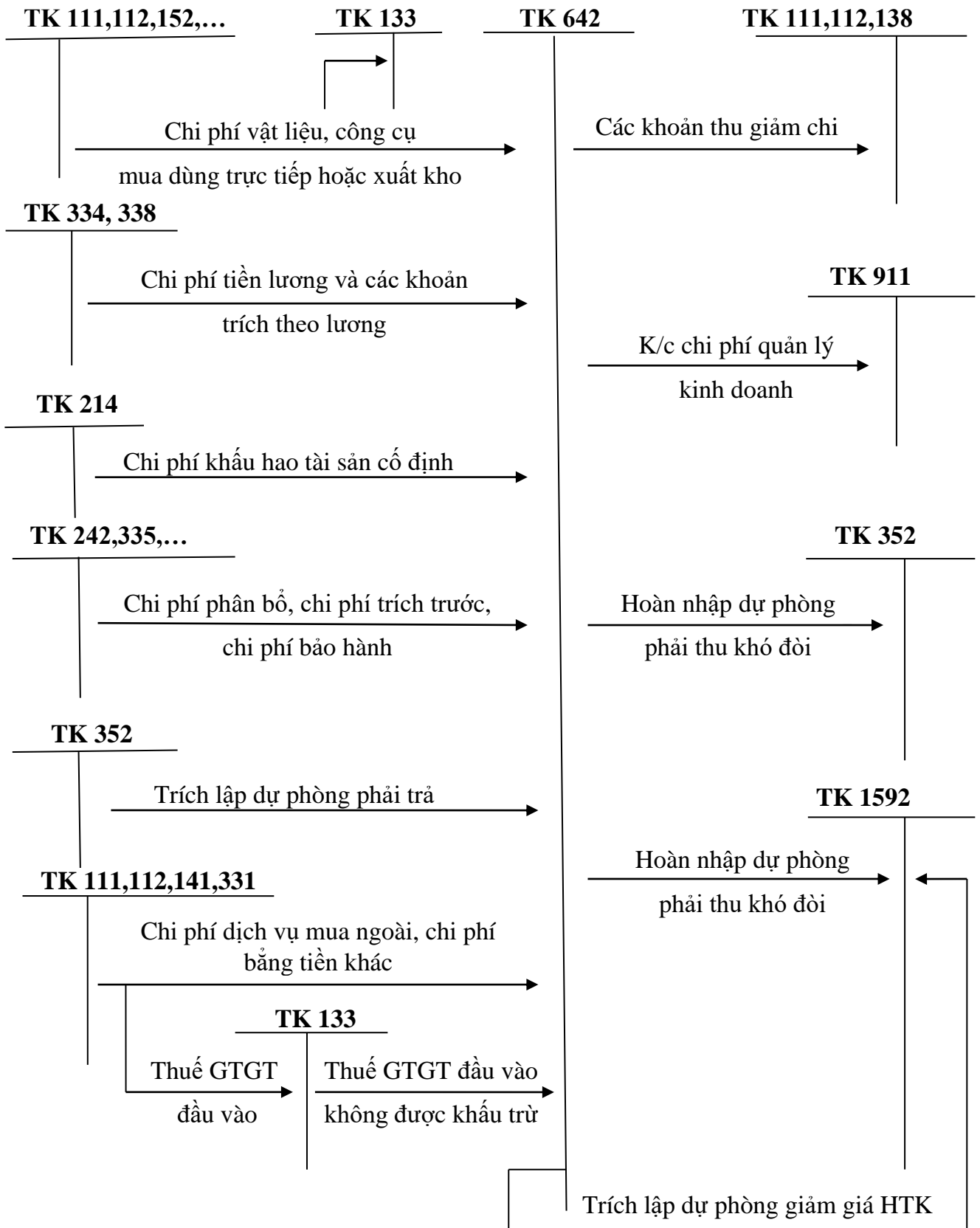
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**1.2.3.1. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

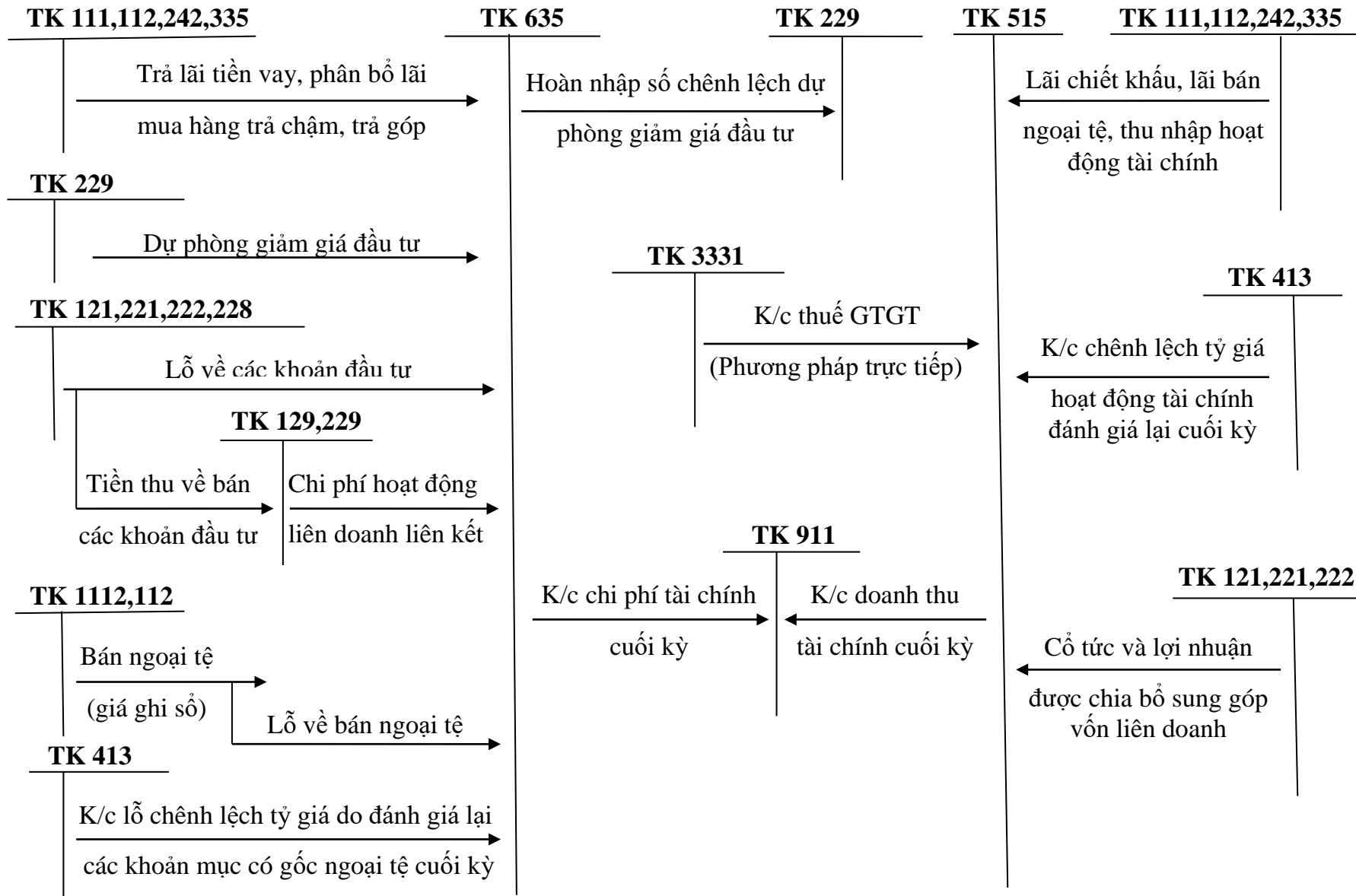
Kết cấu tài khoản 635

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ về đầu tư tài chính - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 - Chi phí khác

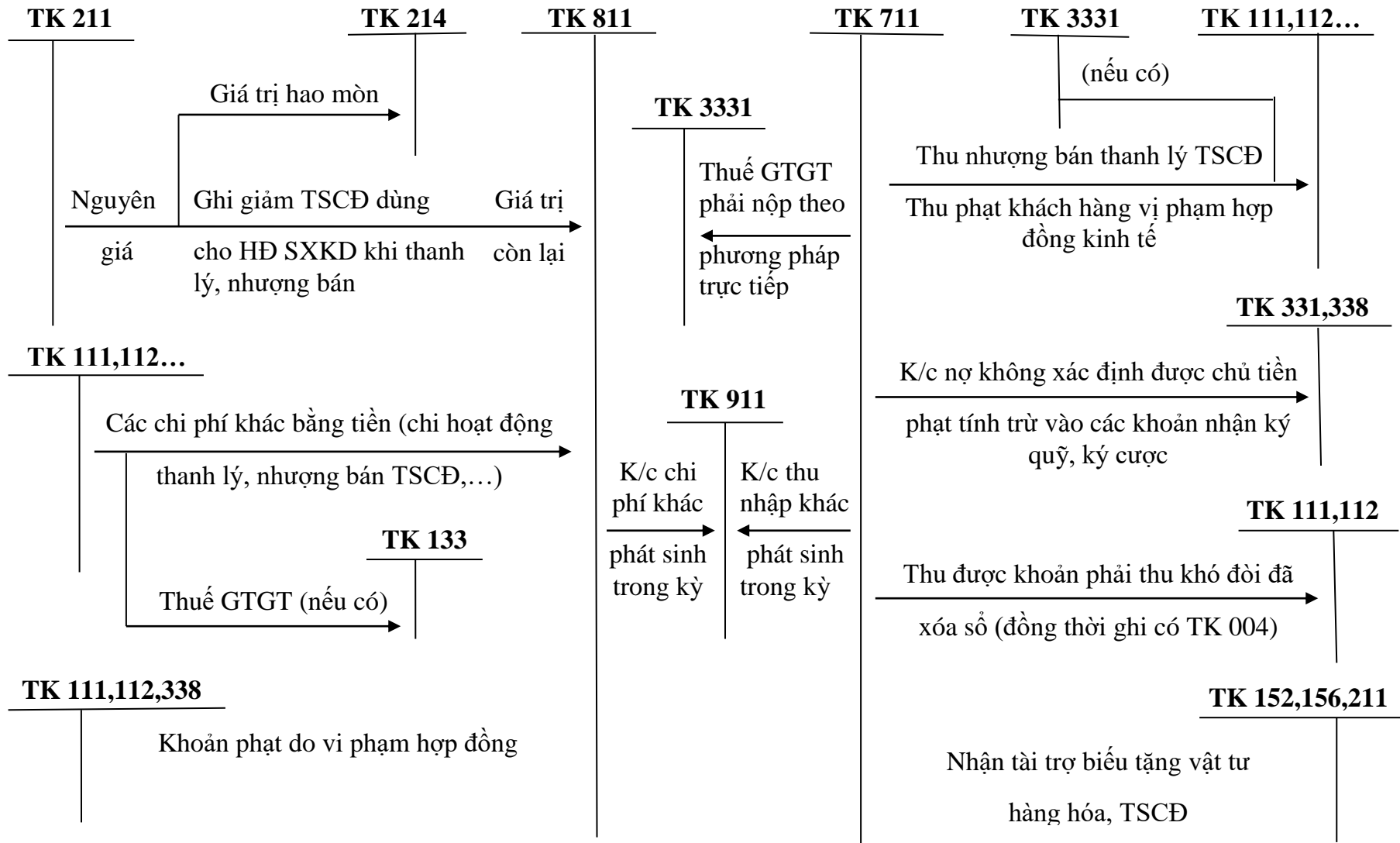
Kết cấu tài khoản 811

Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí khác phát sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu hạch toán

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

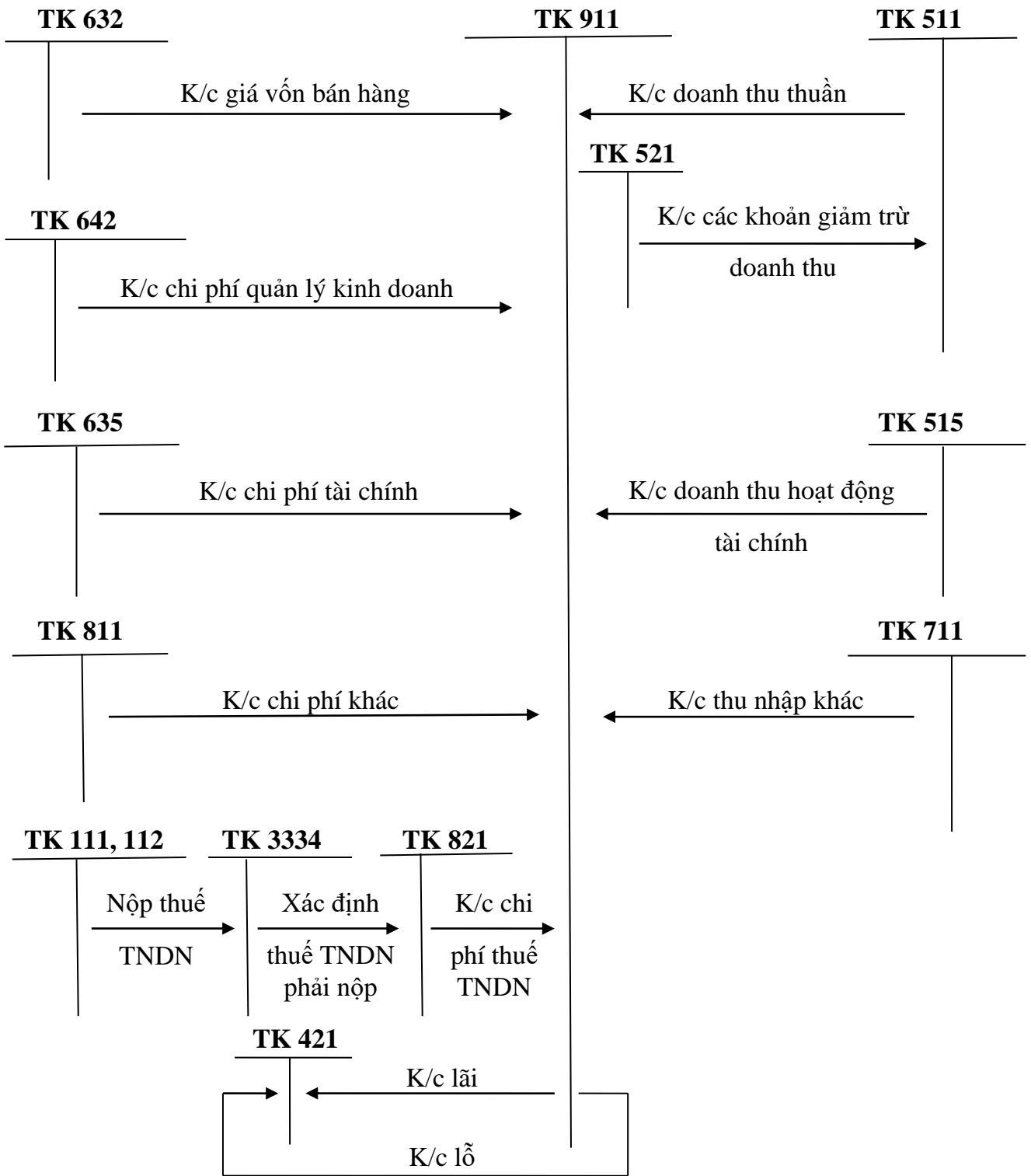
Kết cấu tài khoản 911

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

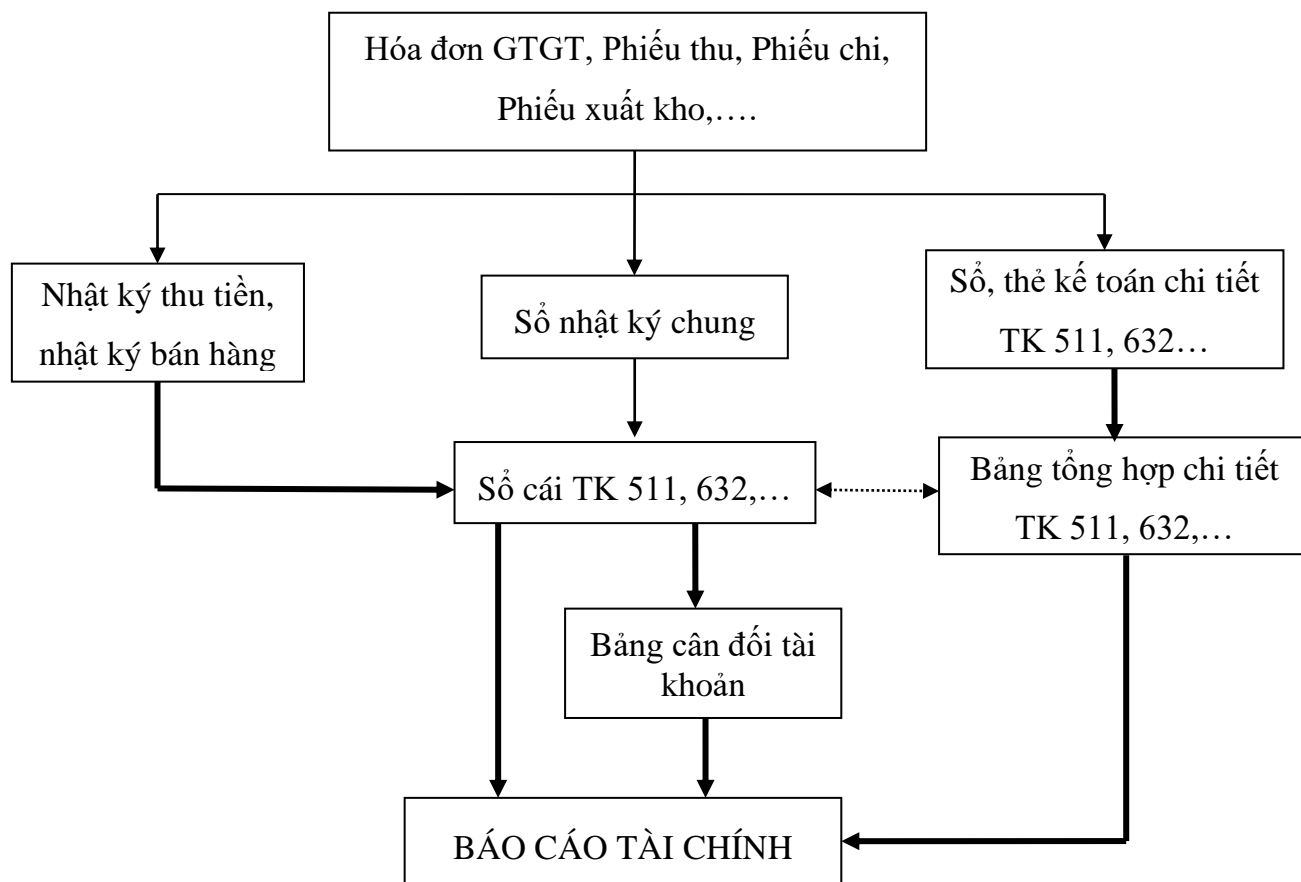
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung trong KT doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow
 Đối chiếu: \longleftrightarrow

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

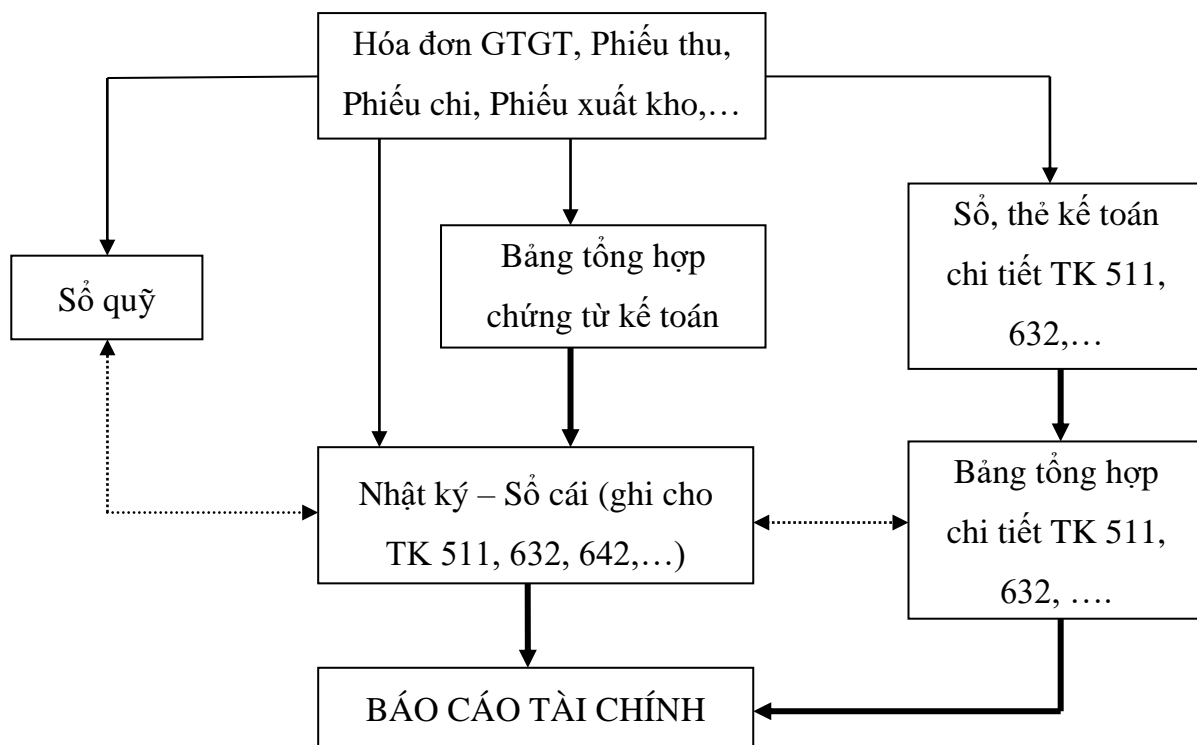
Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký – Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD



Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow
 Đối chiếu: \longleftrightarrow

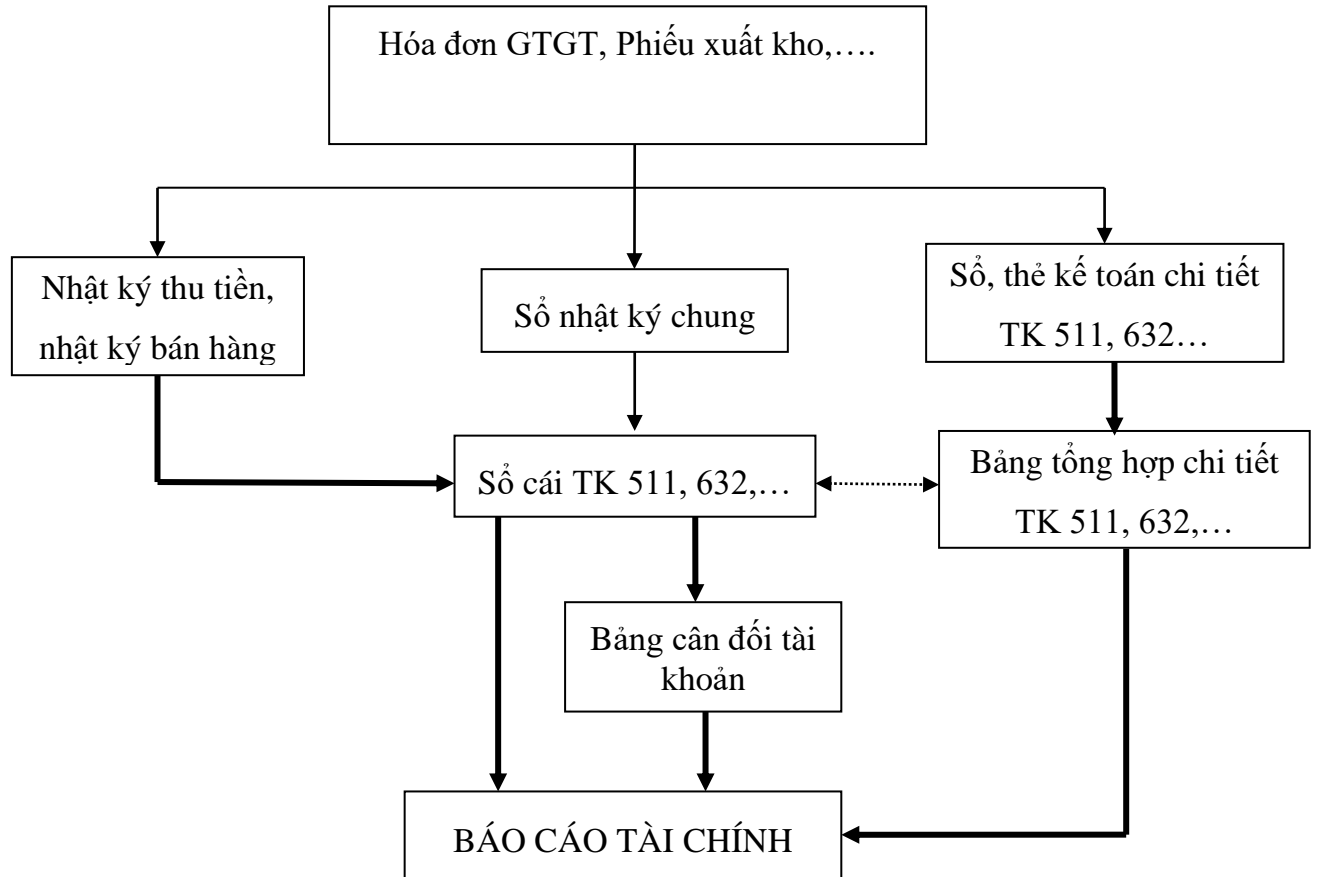
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

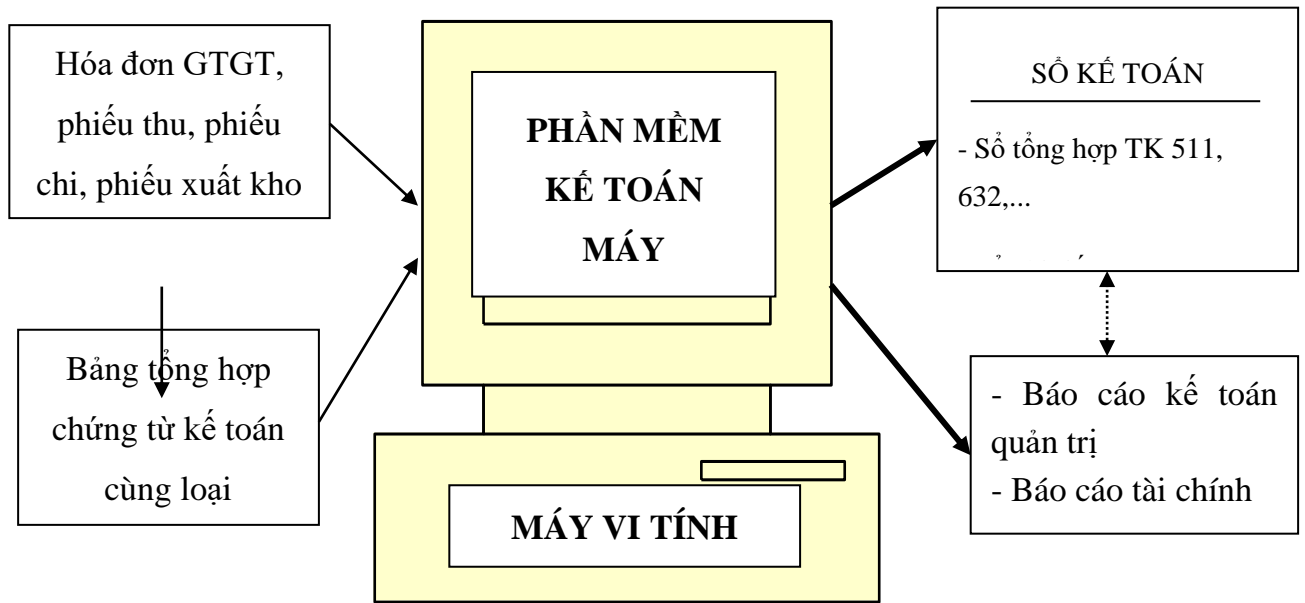
Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD



Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow
 In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN**

Công ty TNHH Hoài Ân là công ty trách nhiệm hữu hạn chuyên vận tải hàng hóa đường thủy, đường bộ và kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng.

- Tên doanh nghiệp : công ty TNHH Hoài Ân
- Tên bằng tiếng Việt: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoài Ân
- Tên bằng tiếng anh:Hoài Ân Company limited
- Tên viết tắt: Hoài Ân CO.,LTD
- Ngày thành lập : Ngày 08/06/2010 theo giấy phép của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48/16 đường vòng Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
- Mã số thuế 0201085250
- Vốn điều lệ 1.000.000.000

Công ty TNHH Hoài Ân bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2010. Những năm mới đi vào hoạt động công ty gặp rất nhiều khó khăn cả về nguồn vốn lẫn cung cách tiếp cận thị trường. Từ năm 2011-2012 do mới thành lập nên lợi nhuận của công ty vẫn chưa cao, trong thời gian này công ty chủ yếu hoạt động với mục tiêu duy trì hoạt động tạo bước đà phát triển sau này. Từ năm 2013 đến nay, do thị trường vận tải hàng hóa có nhiều biến động nên tình hình kinh doanh của công ty tương đối khó khăn.

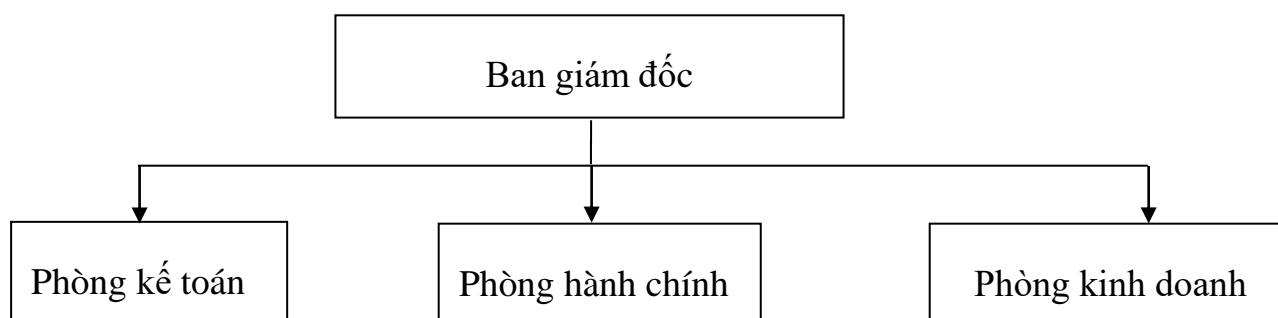
2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

STT	Tên ngành
1.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
2.	Vận tải hàng hóa ven biển
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4.	Đại lí hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm)
5.	Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thác hải quan

STT	Tên ngành
6.	Đại lý du lịch
7.	Điều hành tua du lịch
8.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
9.	Hoạt động dịch vụ và hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
10.	Buôn bán, phân phối nguyên vật liệu xây dựng

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Hoài Ân



Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý của công ty được quy định cụ thể như sau:

Giám đốc: điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm mọi hoạt động trong doanh nghiệp.

Phòng kế toán

- Thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ.

- Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề về tài chính nhằm tham mưu cho giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính.

- Kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành, phục vụ quyết toán tài chính, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lý của công ty.

- Tham mưu cho giám đốc về việc quản lý, công tác tổ chức nhân sự của công ty. Soạn thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc; tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến. Bảo quản các giấy tờ tài liệu.

- Thực hiện các chế độ quy định về tiền lương cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Phòng kinh doanh

- Phụ trách việc giao dịch thương mại, soạn thảo các hợp đồng kinh doanh.
- Tìm kiếm bạn hàng kinh doanh, tổ chức kế hoạch, chiến lược kinh doanh.
- Làm nhiệm vụ tham mưu giúp cho Giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh.

Phòng hành chính

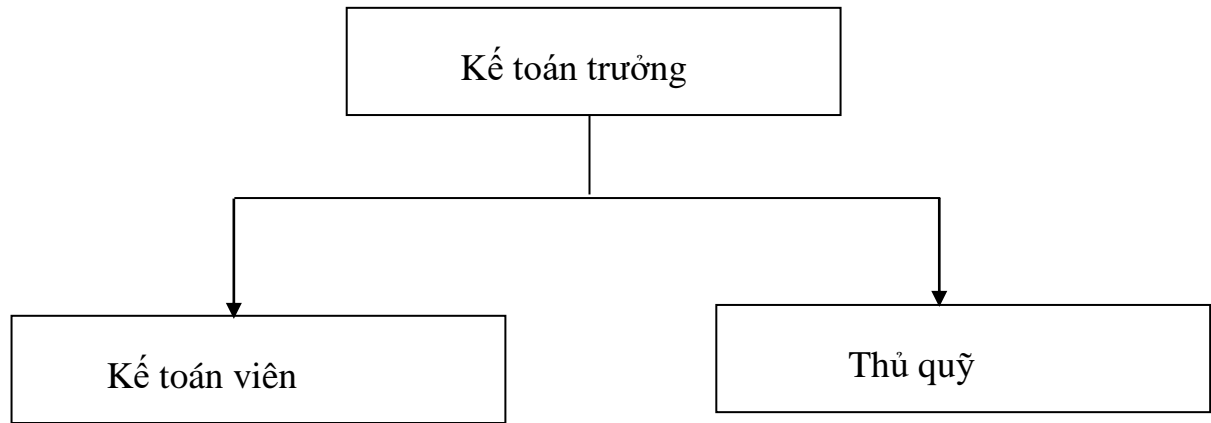
Có trách nhiệm chính là tham mưu cho giám đốc về thực hiện chế độ tài sản chung của công ty:

- Thực hiện pháp lệnh của nhà nước của công ry về quản lí và sử dụng con dấu, cấp phát giấy giới thiệu, hướng dẫn sử dụng quản lí con dấu theo quy định.
- Quản lí văn thư, quản lí điều hành trực ban, bảo vệ, tuần tra

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Việc tổ chức, thực hiện chức năng nhiệm vụ nội dung công tác kế toán trong công ty do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Tại công ty TNHH thương mại Hoài Ân có một phòng kế toán gồm 2 người. Việc tổ chức công tác kế toán được tiến hành theo mô hình tập trung. Theo mô hình này toàn bộ công tác kế toán được thực hiện ở phòng kế toán của công ty, từ khâu ghi chép ban đầu đến khâu tổng hợp lập báo cáo và kiểm tra kế toán, hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp. Các phòng ban khác chỉ lập các chứng từ phát sinh tại đơn vị rồi gửi về phòng kế toán. Quy mô tổ chức của bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm của công ty mà vẫn đảm bảo công tác kế toán có hiệu quả. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung



Kế toán trưởng

- Là người chịu trách nhiệm trước giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty bao gồm:

+ Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp ngân sách, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn vốn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.

+ Theo dõi các phần hành sau: ngân sách, nhà cung cấp, các khoản thu, theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

- Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

Thủ quỹ

- Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt.

- Quản lý, bảo quản tiền mặt; kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.

- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc và cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán.

Kế toán viên

- Kiểm tra và lập các chứng từ, viết phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, có trách nhiệm thanh toán tiền vay, tiền gửi ngân hàng, theo dõi các khoản vay, tạm ứng, thanh toán công nợ.

- Theo dõi, hạch toán vật tư hàng hóa nhập và xuất ra. Tổng hợp và tính toán doanh thu, phân bổ chi phí. Quản lý vốn bằng tiền, phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm quỹ tiền mặt của công ty.

- Theo dõi thực hiện thanh toán tiền lương cho công ty, theo dõi quản lý sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ...

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán năm: Công ty thực hiện kì kế toán theo năm dương lịch (bắt đầu

từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12).

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Chế độ kế toán áp dụng: Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

- Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung sau đó từ sổ Nhật ký chung vào Sổ Cái các tài khoản, từ Sổ Cái các tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán: Mẫu số B01 – DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B02 – DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B03 – DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 – DNN
- Bảng Cân đối tài khoản: Mẫu số F01 – DNN
- Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, tờ khai tự quyết toán thuế TNDN,...
- Báo cáo trên sau khi lập, kiểm tra, xem xét sẽ được trình lên Giám đốc xét

duyet, sau đó được gửi tới Chi cục thuế, Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng, Cục Thống kê Hải Phòng.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI HOÀI ÂN

- Để tạo điều kiện cho khách hàng công ty sử dụng phương thức thanh toán chủ yếu là thanh toán ngay bằng tiền mặt, ngoài ra còn tạo điều kiện cho khách hàng được thanh toán chậm trả.

+ *Phương thức thanh toán trả tiền ngay*: Bằng tiền mặt được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt:

Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT. Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

- ✓Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.
- ✓Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.
- ✓Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

+ *Phương thức bán chịu*: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

quản lý công nợ phải thu.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng...

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

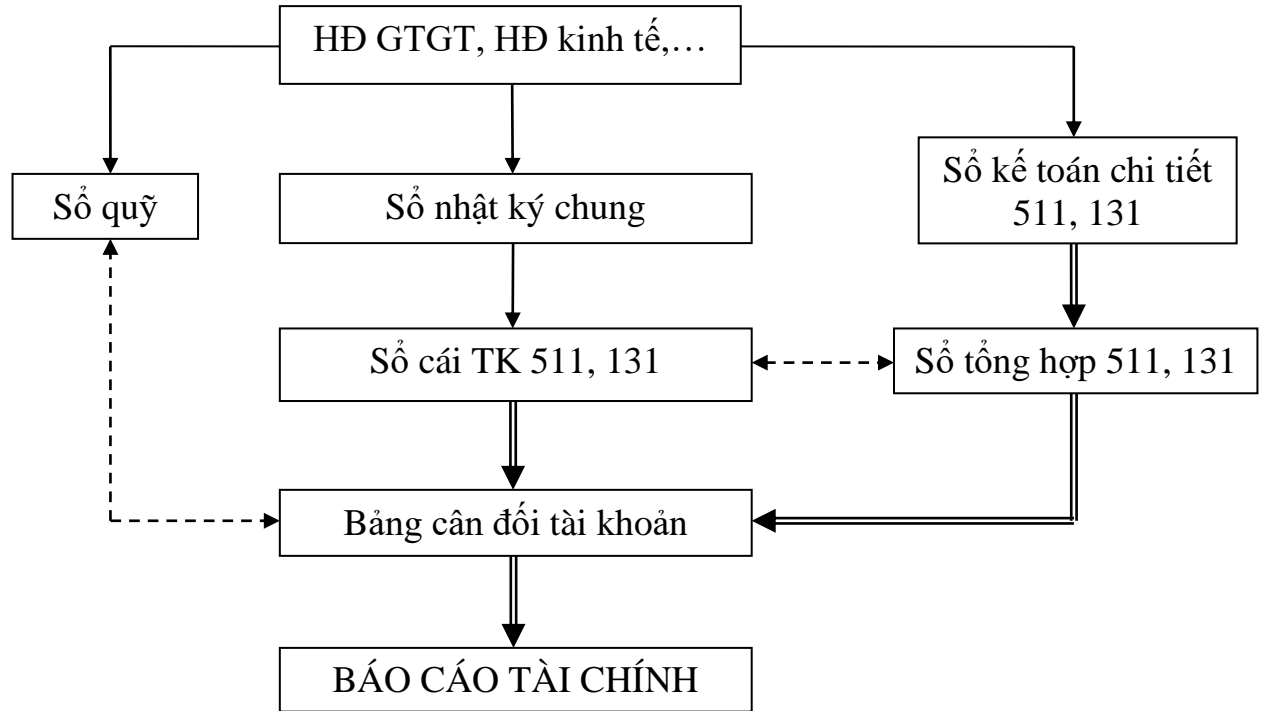
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản cấp 2:
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

+ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Các TK khác có liên quan như: TK 3331, 1111, 131...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Hoài Ân



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 10/12/2016 công ty xuất kho xi măng Chinfon 10 tấn loại 50kg/bao theo HĐ 0000731 – Công ty xây dựng Bạch Đằng 14.850.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Ví dụ 2: Ngày 25/12/2016 xuất kho 20 thùng gạch men 60 theo HĐ 0000745 – Công ty xây dựng Bạch Đằng 12.595.000 (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng thanh toán bằng tiền mặt

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ vào các chứng từ: hóa đơn GTGT 0000731 (**biểu số 2.1**), hóa đơn GTGT 0000732 (**biểu số 2.2**), phiếu thu số 25 (**biểu số 2.3**) kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.4**), từ nhật ký chung vào sổ cái TK 511 (**biểu số 2.5**). Đồng thời cũng từ các chứng từ trên kế toán ghi sổ kế toán chi tiết TK 511, 131 (**biểu 2.6, 2.7, 2.9**).

Cuối tháng, kế toán lấy số liệu từ sổ kế toán chi tiết TK 511, 131 ghi vào sổ tổng hợp TK 511 (**biểu 2.8, 2.10**) đồng thời so sánh với số liệu của sổ cái TK 511 đã lập, sổ quỹ tiền mặt (**biểu 2.11**). Căn cứ vào các sổ cái và sổ tổng hợp đã lập trên kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000731

Công ty TNHH Hoài Ân 48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000731	
HOÁ ĐƠN GTGT					
Liên 3: Nội bộ					
Ngày 10/12/2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoài Ân Mã số thuế: 0201085250 Địa chỉ: 48/16 đường vòng Vạn Mỹ, Hải Phòng Số TK: 7114633780					
Đơn vị mua hàng: Công ty xây dựng Bạch Đằng Mã số thuế: 0201034333 Địa chỉ: đường 10, phố mới Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng Số TK: 6904639108 Hình thức thanh toán:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xi măng bao 50kg	tấn	10	1.350.000	13.500.000
Cộng tiền hàng:					13.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.350.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					14.850.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng.					
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000745

Công ty TNHH Hoài Ân 48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền		Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000745			
HOÁ ĐƠN GTGT Liên 3: Nội bộ Ngày 25/12/2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoài Ân Mã số thuế: 0201085250 Địa chỉ: 48/16 đường vòng Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng Số TK: 7114633780					
Đơn vị mua hàng: Công ty xây dựng Thành Anh Mã số thuế: 0201719197 Địa chỉ: đường 10, phố mới Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng Số TK: 6914793787 Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch men 60	thùng	20	572.500	11.450.000
Cộng tiền hàng:					11.450.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.145.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					12.595.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm chín mươi năm nghìn đồng.					
Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 2.3: Phiếu thu số 35

Công ty TNHH Hoài Ân		Mẫu số 01-TT		
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền		QĐ số 48/2006/QĐ-BTC		
		Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC		
PHIẾU THU		Số: 25		
Ngày 25 tháng 12 năm 2016				
		Nợ TK 1111	:12.595.000	
		Có TK 5113	: 11.450.000	
		Có TK 3331	: 1.145.000	
Họ và tên người nộp tiền: Phạm Văn Hùng				
Địa chỉ: phố mới Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng				
Lý do thu: Thu tiền hàng theo HĐ 0000745 – Ngày 25/12/2016				
Số tiền: 12.595.000				
Viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm chín mươi năm nghìn đồng				
Kèm theo: 1 chứng từ gốc.				
		Ngày 25 tháng 12 năm 2016		
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
10/12	HD0000731	10/12	Xuất bán xi măng chinfon	131	14.850.000	
				3331		1.350.000
				5111		13.500.000
11/12	HD 0000732 PT 11/12	11/12	Xuất bán xi măng chinfon	1111	17.864.000	
				5111		16.240.000
				3331		1.624.000
					
25/12	HD 0000745 PT 25/12	25/12	Xuất bán gạch men 60	1111	12.595.000	
				5111		11.450.000
				3331		1.145.000
					
			Cộng		8.211.553.173	8.211.553.173

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.5: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Ctư		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
					
10/12	HĐ 0000731	10/12	Xuất bán xi măng chinfon cho cty xây dựng Bạch Đằng	131		13.500.000
11/12	HĐ 0000732 PT 11/12	11/12	Doanh thu bán hàng cho Cty Hòa An	1111		16.240.000
14/12	HĐ 0000733 PT 14/12	14/12	Doanh thu bán hàng cho Cty Thiên Phúc	1111		4.480.000
					
25/12	HĐ 0000745 PT 25/12	25/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Thành Anh	1111		11.450.000
31/12	PHT 20/12	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	950.421.202	
			Cộng số phát sinh		950.421.202	950.421.202
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số: SN17 – DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

Tên sản phẩm (HH, DV, bất động sản đầu tư): Xi măng chinfon bao 50 kg Mã hàng hóa:XM50

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
								
10/12	HĐ00000731	10/12	Bán xi măng cho Cty xây dựng Bạch Đằng	131	10	1.350.000	13.500.000		
								
			Cộng số phát sinh		25		33.750.000		
			Doanh thu thuần				33.750.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số: SN17 – DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

Tên sản phẩm: gạch men 60 Mã hàng hóa: G60x60

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
								
25/12	HĐ00000745 PT 25/12	25/12	Bán hàng hóa cho Cty TNHH Thành Anh	1111	20	572.500	11.450.000		
								
			Cộng số phát sinh		50		28.625.000		
			Doanh thu thuần				28.625.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.8: Sổ tổng hợp chi tiết bán hàng**Công ty TNHH Hoài Ân****48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền****SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Doanh thu			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	XM50	Xi măng chinfon	25	1.350.000	33.750.000	
2	G40x40	Gạch men 40	10	495.000	4.950.000	
3	G60x60	Gạch men 60	50	572.500	20.610.000	
5	G80x80	Gạch men 80	10	670.000	6.700.000	
					
		Cộng			747.873.050	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.9: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số: SN13 - DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**Đối tượng: Công ty xây dựng Bạch Đằng**

Năm 2016

ĐVT: đồng

Stt	NT ghi sổ	Ctù		Diễn giải	TKĐU'	SPS		Số dư	
		SH	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
				<u>Dư đầu kỳ</u>				<u>572.000</u>	
01	05/12	0000727	05/12	Xuất bán xi măng chinfon	5111	17.850.000		18.442.000	
					3331	1.785.000		20.207.000	
								
02	10/12	0000731	10/12	Xuất bán xi măng chinfon	5111	13.500.000		33.707.000	
					3331	1.350.000		35.057.000	
								
				Cộng SPS		62.755.000			
				<u>Dư cuối kỳ</u>				<u>63.327.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10: Sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua

Công ty TNHH Hoài Ân

48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số: SN13 – DNN

(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Năm 2016

ĐVT: đồng

Stt	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		SPS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
						
20	Cty TNHH Hòa An	12.000.000	-	16.600.000	12.000.000	16.600.000	-
21	Cty TNHH Thiên Phúc	148.230.500	-	43.670.000	41.332.500	150.568.000	-
22	Cty TNHH Bạch Đằng	572.000	-	62.755.000	-	63.327.000	-
23	Cty TNHH TMDV & XD Phương Thảo	112.020.000	-	26.030.000	-	138.050.000	-
						
	Tổng	1.607.239.733	3.904.733	861.633.522	999.905.468	1.468.967.787	3.904.733

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng

2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty

Kế toán tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Cứ sau mỗi lần nhập kho, kế toán lại phải tiến hành tính toán lại giá bình quân.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

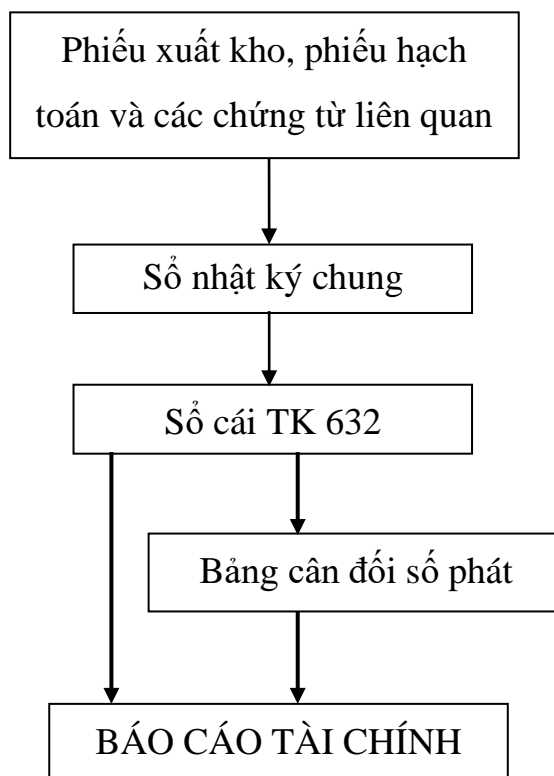
- Phiếu xuất kho,...

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- Các TK liên quan khác như: TK 156, 154, 111,...

2.2.2.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn tại công ty TNHH Hoài Ân



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: →

2.2.2.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 12/10/2016 công ty xuất kho xi măng Chinfon 10 tấn loại 50kg/bao theo HĐ 0000731 – Công ty xây dựng Bạch Đằng 14.850.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Ví dụ 2: Ngày 25/12/2016 xuất kho 20 thùng gạch men 60 theo HĐ 0000745 – Công ty xây dựng Bạch Đằng 12.595.000 (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán tiến hành như sau:

Kế toán lập phiếu xuất kho số 29/12 và phiếu xuất kho số 32/12 (**biểu số 2.11, 2.12**). Căn cứ vào Phiếu xuất kho ghi số liệu vào Nhật ký chung (**biểu 2.13**), Sổ cái TK 632 (**biểu 2.14**).

Tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn:

Đơn giá xuất kho bình quân xi măng chinfon (F2116) ngày 10/12 được tính như sau:

- Ngày 1/12 tồn 470 tấn, đơn giá 1.250.000/tấn.
- Ngày 3/12 nhập 300 tấn, đơn giá 1.200.000 đồng/tấn.
- Ngày 7/12 nhập 200 tấn, đơn giá 1.210.000 đồng/tấn
- Ngày 10/12 xuất 10 tấn.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho} &= \frac{470 \times 1.250.000 + 300 \times 1.200.000 + 200 \times 1.210.000}{470 + 300 + 200} \\ \text{bình quân ngày 10/12} &= 1.226.287 \\ \text{Trị giá thành phẩm thực tế} &= \text{Số lượng thực tế} \times \text{Đơn giá bình quân xuất} \\ \text{xuất kho ngày 10/12} &= \text{xuất kho} \quad \text{x} \quad \text{kho} \\ &= 10 \quad \text{x} \quad 1.226.287 \\ &= 12.262.886 \end{aligned}$$

Đơn giá xuất kho bình quân gạch men 60:

- Ngày 1/12 tồn 35 thùng, đơn giá 410.000/thùng
- Ngày 3/12 nhập 40 thùng, đơn giá 405.000 đồng/kg.
- Ngày 25/12 xuất 20 thùng

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho} &= \frac{35 \times 410.000 + 40 \times 405.000}{35 + 40} \\ \text{bình quân ngày 25/12} &= 407.333 (\text{đ/thùng}) \\ \text{Trị giá thành phẩm thực tế} &= \text{Số lượng thực tế} \times \text{Đơn giá bình quân xuất} \\ \text{xuất kho ngày 25/12} &= \text{xuất kho} \quad \text{x} \quad \text{kho} \\ &= 20 \quad \text{x} \quad 407.333 \\ &= 8.146.666 \end{aligned}$$

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 29/12

Công ty TNHH Hoài Ân				Mẫu số 02-VT			
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền				(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC			
				Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 10 tháng 12 năm 2016				Số: 632			
Số: PX 29/12				Cố: 156			
Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thanh An							
Địa chỉ (bộ phận): phố mới Tân Dương, Thủy Nguyên							
Lý do xuất kho: Xuất kho hàng bán							
Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa				Địa điểm:			
Stt	Tên, nhãn hiệu	Mã hàng	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng chinfon	XM50	tấn	10	10		12.262.886
	Cộng			10	10		12.262.886
Tổng số tiền viết bằng chữ: Chín triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn không trăm hai mươi đồng.							
Ngày 10 tháng 12 năm 2016							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		

Biểu 2.12: Phiếu xuất kho số 32/12

Công ty TNHH Hoài Ân				Mẫu số 02-VT			
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền				(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC			
				Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO							
				Ngày 25 tháng 12 năm 2016		Nợ: 632	
				Số: PX 32/12		Có: 156	
Họ và tên người nhận hàng: Phạm Thu Thủy							
Địa chỉ (bộ phận): 28/418 Nguyễn Văn Linh							
Lý do xuất kho: Xuất kho hàng bán							
Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa				Địa điểm:			
Stt	Tên, nhãn hiệu	Mã hàng	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Gạch men 60	G60x60	thùng	20	20	407.333	8.146.666
	Cộng			20	20		8.146.666
Tổng số tiền viết bằng chữ: Tám triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu bảy đồng							
Ngày 25 tháng 12 năm 2016							
Người lập phiếu		Người nhận hàng		Thủ kho		Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.13: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
		
10/12	PXK 29/12	10/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty xây dựng Bạch Đằng	632	12.262.886	
				156		12.262.886
10/12	HĐ 0000731	10/12	Doanh thu bán hàng cho Cty xây dựng Bạch Đằng	131	14.850.00 0	
				5111		13.500.000
				3331		1.350.000
					
25/12	PXK 32/12	25/12	Giá vốn hàng xuất bán cho Thành Anhnh	632	8.146.666	
				156		8.146.666
25/12	HĐ 0000745 PT 25/12	25/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Thành	1111	12.595.000	
				5111		11.450.000
				3331		1.145.000
					
			Cộng		8.211.553.173	8.211.553.173

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.14: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
 Số hiệu: 632

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
					
10/12	PXK 29/12	10/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty xây dựng Bạch Đằng	156	12.262.886	
					
25/12	PXK 32/12	25/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Thành Anh	156	8.146.666	
					
25/12	PXK 38/12	25/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Thành Công	156	16.898.800	
28/12	PXK 42/12	28/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty CP TM Vạn Lộc	156	14.629.300	
					
31/12	PHT 16/12	31/12	K/c giá vốn hàng bán	154	121.336.032	
31/12	PHT 19/12	31/12	K/c giá vốn hàng bán hàng hóa và dịch vụ	911		801.299.991
			Cộng số phát sinh		801.299.991	801.299.991
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

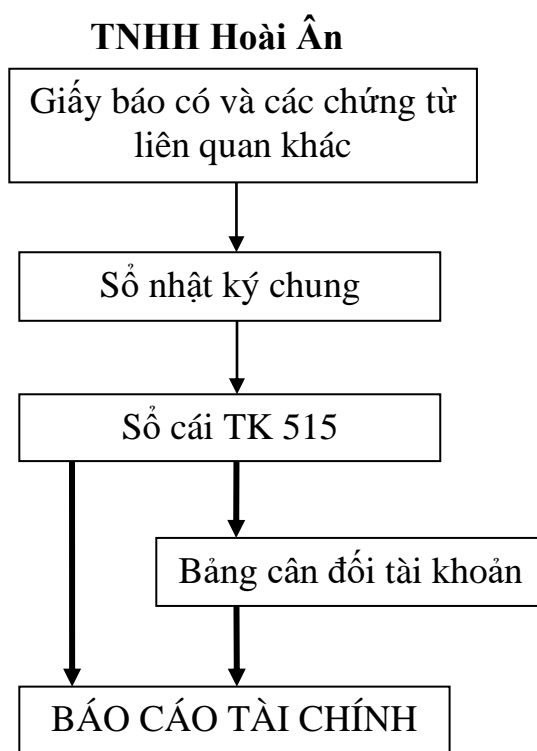
- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: —————→

2.2.3.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ: Ngày 31/12/2016 ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2016 số tiền 146.240 đồng.

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng (**biểu số 2.15**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.16**), sau đó vào Sổ cái TK 515 (**biểu số 2.18**).

Biểu 2.15: Giấy báo có

Mã GD

Mã KH: 395544

Số GD: 52938

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số : 30/12

Kính gửi: Công ty TNHH Hoài Ân

Mã số thuế: 5701782604

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 3201162579

Số tiền bằng số: 1.146.240

Viết bằng chữ: Một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng

Nội dung: Lãi tiền gửi.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giao dịch viên*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kiểm soát viên***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung

**Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
22/12	HĐ0000760	22/12	Xuất bán xi măng chinfon cho cty xây dựng Bạch Đằng	131	14.850.000	
				3331		1.350.000
				5111		13.500.000
23/12	HĐ 0000761 PT 52/12	23/12	Xuất bán gạch 60 cho cty TNHH Thành Anh	1111	12.595.000	
				5111		11.450.000
				3331		1.145.000
					
28/12	P XK 42/12	28/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty CP TM Vạn Lộc	632	15.015.70 0	
				156		15.015.70 0
28/12	HĐ0000769 PT 58/12	28/12	Doanh thu bán hàng cho Cty CP TM Vạn Lộc	1111	18.095.00 0	
				5111		16.450.000
				3331		1.645.000
					
31/12	GBC 30/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112	1.146.240	
				515		1.146.240
			Cộng		8.211.553.173	8.211.553.173

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.17: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
31/12	GBC 30/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		1.146.240
31/12	PHT 20/12	31/12	K/C doanh thu HĐTC	911	1.146.240	
			Cộng số phát sinh		1.146.240	1.146.240
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- Chi phí về lương nhân viên quản lý kinh doanh
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí về nhiên liệu phục vụ công tác quản lý kinh doanh
- Chi phí về CCDC phục vụ công tác quản lý kinh doanh
- Các khoản chi phí khác.

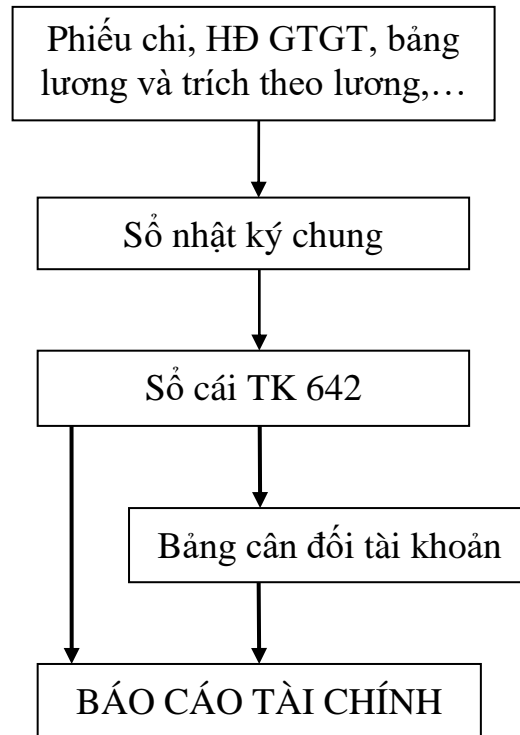
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Bảng lương nhân viên văn phòng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thu phí dịch vụ
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK liên quan khác như: TK 111, 334, 214,...

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí kinh doanh tại công ty TNHH**Hoài Ân****Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: —————→

Ví dụ 1: Ngày 31/12/1016 cô Hậu thanh toán bằng tiền mặt tiền cước điện thoại theo HĐ 219057 số tiền 644.494 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

Ví dụ 2: Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý kinh doanh tháng 12 năm 2016 số tiền 10.637.000 đồng.

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ hóa đơn GTGT 0219057 (**biểu số 2.18**) kế toán lập phiếu chi (**biểu số 2.19**) và bảng danh mục TSCĐ và mức trích khấu hao T12/2014 (**biểu số 2.20**). Sau đó, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.21**), Sổ cái TK 642 (**biểu số 2.22**).

Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT số 0219057

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)		TELECOMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Mẫu số: 01GTKT -2LN-03	
				Ký hiệu : AA/16P	
				Số: 0219057	
MS: 0200340211					
TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT – ĐÀ NẴNG, CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG					
Địa chỉ :					
Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoài Ân					
Địa chỉ: 48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số thuê bao: 0333619092				Mã số: KHCP-QTCN-00344	
Hình thức thanh toán: TM					
STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng: 12/2016				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				585.904
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + Nợ cũ				0
Cộng tiền dịch vụ (A)= (a+b-c-d):					585.904
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (a-c-d) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (B):					58.590
Tổng cộng tiền thanh toán (C) = (A+ B - e):					644.494
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng.					
Người nộp tiền (Ký, ghi rõ họ tên)				Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Đại diện giao dịch (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.19: Phiếu chi số 26

Công ty TNHH Hoài Ân		Mẫu số 02-TT		
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền		QĐ số 48/2006/QĐ-BTC		
		Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC		
PHIẾU CHI		Số: 26		
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
		Nợ TK 642	:	585.904
		Nợ TK 1331	:	58.590
		Có TK 1111	:	644.494
Họ và tên người nộp tiền: Bùi Thị Hậu				
Địa chỉ: Văn phòng công ty				
Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219057				
Số tiền: 644.494, đồng				
Viết bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng.				
Kèm theo: 1 chứng từ gốc.				
		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 2.20: Bảng danh mục TSCĐ và mức trích khấu hao**Công ty TNHH Hoài Ân****48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền****DANH MỤC TSCĐ VÀ MỨC TRÍCH KHẤU HAO**

Năm 2016

Đvt: đồng

Stt	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Ngày SD	Thời gian SD	Thời gian hết KH	Mức KH	Số đã trích			Tổng cộng	Ghi chú
							Tháng 1	...	Tháng 12		
Chi phí quản lý kinh doanh											
1	Máy in	48.000.000	T10/2015	4 năm	T10/2018	1.000.000	1.000.000		1.000.000	12.000.000	
2	Bộ máy tính	22.500.000	T04/2015	4 năm	T04/2019	468.7000	468.700		468.700	5.624.400	
3	Xe ô tô con 16M 6574	600.000.000	T12/2015	10 năm	T12/2025	5.000.000	5.000.000		5.000.000	60.000.000	
	Tổng cộng	670.500.00				6.468.700	6.468.700		6.468.700	77.624.400	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016											

Người lập phiếu*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.21: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
30/12	HD0129058 PC 27/12	30/12	Cô Hậu thanh toán tiền điện theo HD 0219058	642 1331 1111	527.366 52.737	580.103
31/12	HD 0219057 PC 26/12	31/12	Cô Hậu thanh toán tiền cước điện thoại theo HD 0219057	642 1331 1111	585.904 58.590	644.494
31/12	Bảng lương T12/2016	31/12	Lương phải trả nhân viên văn phòng T12/2016	642 334	38.750.000	38.750.000
31/12	Bảng TSCĐ và trích KH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLKD T12/2016	642 214	6.468.700	6.468.700
.....
31/12	PHT 19/12	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911 642	53.174.905	53.174.905
			Cộng		8.211.553.173	8.211.553.173

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thủ quỹ*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.22: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03b - DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Ctư		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
					
30/12	HĐ 0219058 PC 27/12	30/12	Cô Hậu thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219058	1111	527.366	
31/12	HĐ 0219057 PC 26/12	31/12	Cô Hậu thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219057	1111	585.904	
31/12	BL T12/2016	31/12	Lương phải trả nhân viên văn phòng T12/2016	334	38.750.000	
...
31/12	Bảng TSCĐ và trích KH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLKD T12/2016	214	6.468.700	
31/12	PHT 19/12	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911		53.174.905
			Cộng số phát sinh		53.174.905	53.174.905
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.5.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh

Lợi nhuận thực hiện bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.

- Lợi nhuận từ hoạt động khác gồm:

+ Lợi nhuận từ hoạt động tài chính: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính gồm: hoạt động cho thuê tài sản, lãi thu được từ tiền gửi ngân hàng,...

+ Lợi nhuận sau thuế được doanh nghiệp sử dụng để bổ sung các quỹ, bổ sung nguồn vốn kinh doanh,...

2.2.5.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, 821, 421,...

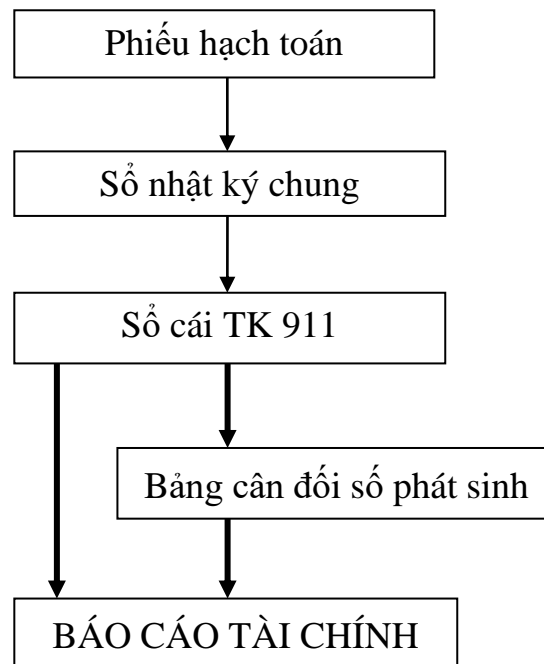
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Các TK liên quan khác như: TK 821, 632, 511, 642,...

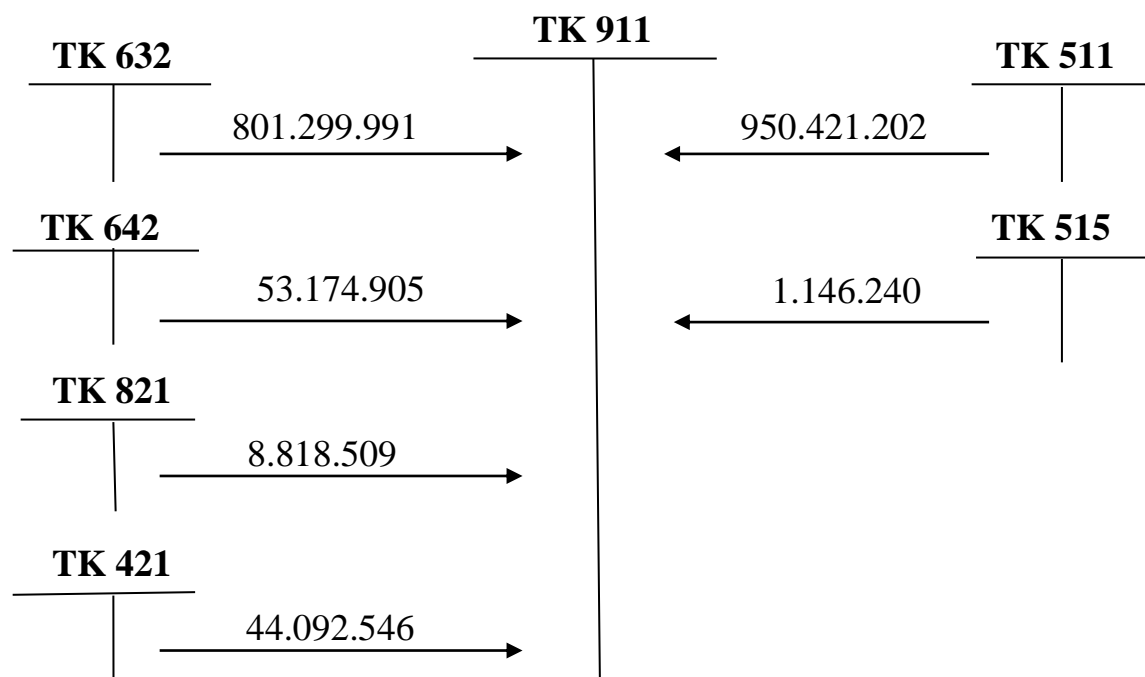
2.2.5.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công

TNHH Hoài Ân

**Ghi chú:**Ghi hàng ngày: \longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoài Ân



Cuối tháng căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911.

Khi đó:

$$\begin{aligned}
 \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 950.421.202 + 1.146.240 - 801.299.991 - 53.174.905 \\
 &= 97.092.546 \\
 \text{Thuế TNDN} &= 97.092.546 \times 20\% \\
 &= 19.418.509 \\
 \text{Lợi nhuận sau thuế} &= 97.092.546 - 19.418.509 \\
 &= 77.674.037
 \end{aligned}$$

Suy ra: Kết quả kinh doanh T12/2016 của doanh nghiệp là Lãi

BIỂU 2.23: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 19/12

Đối tượng: Kết chuyển chi phí

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	53.174.905	
2	Kết chuyển giá vốn	911	632	801.299.991	
	Cộng			854.474.896	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.24: Phiếu hạch toán**PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 20/12

Đối tượng: Kết chuyển doanh thu

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	950.421.202	
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.146.240	
	Cộng			951.567.442	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu*(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)***Biểu 2.25: Phiếu hạch toán****PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 21/12

Đối tượng: Xác định thuế TNDN phải nộp

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	19.418.509	
	Cộng			19.418.509	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu*(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.26: Phiếu hạch toán**PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 22/12

Đối tượng: Kết chuyển chi phí thuế TNDN

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	19.418.509	
	Cộng			19.418.509	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.27: Phiếu hạch toán**PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 23/12

Đối tượng: Kết chuyển lãi

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển lãi	911	421	77.674.037	
	Cộng			77.674.037	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.28: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	PHT 19/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	53.174.905	53.174.905
31/12	PHT 19/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	801.299.991	801.299.991
31/12	PHT 20/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	950.421.20 2	950.421.202
31/12	PHT 20/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	1.146.240	1.146.240
31/12	PHT 21/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821 3334	19.418.509	19.418.509
31/12	PHT 22/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	19.418.509	19.418.509
31/12	PHT 23/12	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	77.674.037	77.674.037
			Cộng		8.211.553.173	8.211.553.173

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.29: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
31/12	PHT 19/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	53.174.905	
31/12	PHT 19/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	801.299.991	
31/12	PHT 20/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và CCDV	511		950.421.202
31/12	PHT 20/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.146.240
31/12	PHT 22/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	19.418.509	
31/12	PHT 23/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	77.674.037	
			Cộng phát sinh		951.567.442	951.567.442
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.30: Sổ cái TK 421

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			42.299.509
31/12	PHT 23/12	31/12	Kết chuyển lãi	911		77.674.037
			Cộng phát sinh			77.674.037
			<u>Dư cuối kỳ</u>			<u>119.973.546</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra được những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm

a) Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Là một công ty có quy mô nhỏ, chủ yếu hoạt động kinh doanh dịch vụ, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Về nhân sự, bộ phận kế toán có sáu người gồm một kế toán trưởng và năm kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có bề dày kinh nghiệm, vững vàng kiến thức chuyên môn giúp cho công tác kế toán tại công ty đạt hiệu quả cao.

a) Về sổ sách kế toán sử dụng

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp

với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

b) Về chứng từ kế toán sử dụng

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh như: hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng khấu hao, phân bổ,... của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán giá vốn.

Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời và đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên: liên 1 lưu tại quyền, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu nội bộ làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác, kịp thời, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

a) Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời. Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty không mở các sổ nhật ký chuyên dùng như sổ nhật ký bán hàng và sổ nhật ký thu tiền; điều này gây khó khăn cho việc theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, nhất là hình thức bán hàng thu tiền sau và việc đối chiếu sổ sách kế toán, công việc dồn vào sổ Nhật ký chung.

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Với nhân viên kế toán thì mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

Về tài khoản sử dụng

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 632 dẫn đến khó theo dõi giá vốn cho từng mặt hàng

Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng

Hiện nay công ty không có nhiều chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như: chiết khấu thương mại,... Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách, thu hút được nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN

3.2.1. Ứng dụng phần mềm kế toán

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Tiết kiệm thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phân hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

Đối với bộ phận kế toán tài chính:

- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.
- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của nhà quản lý.

- Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.

- Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của nhà quản lý liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi - lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa...

Đối với nhà quản lý:

- nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.

- Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.

- Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho nhà quản lý.

- Nhà quản lý có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán tài chính.

- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

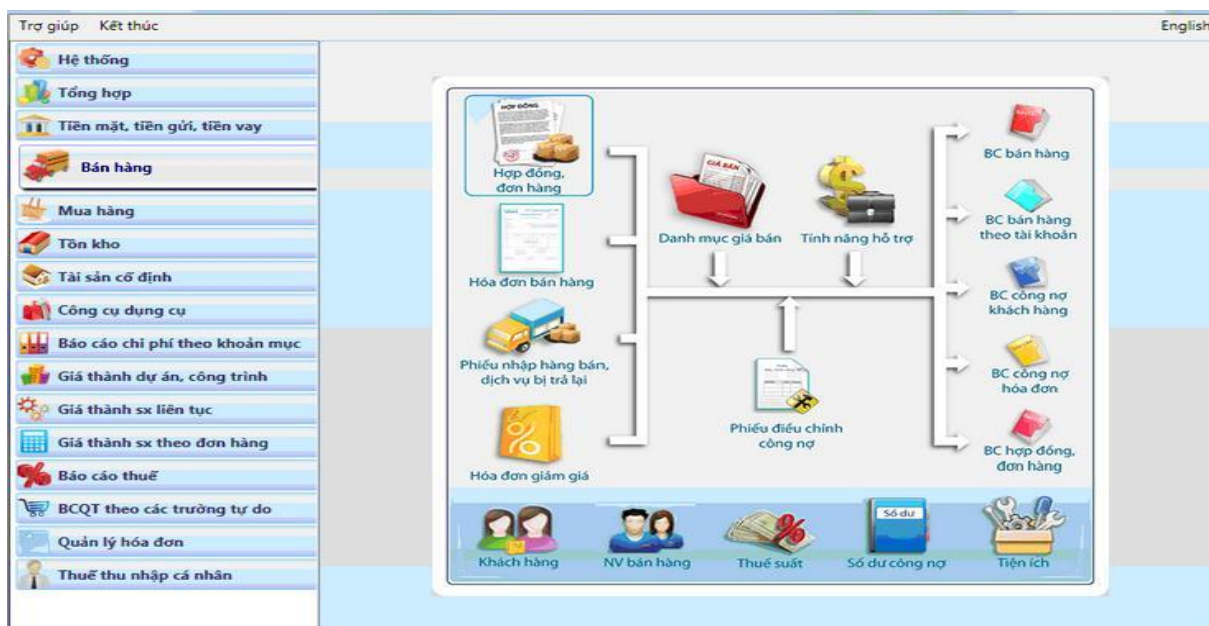
Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

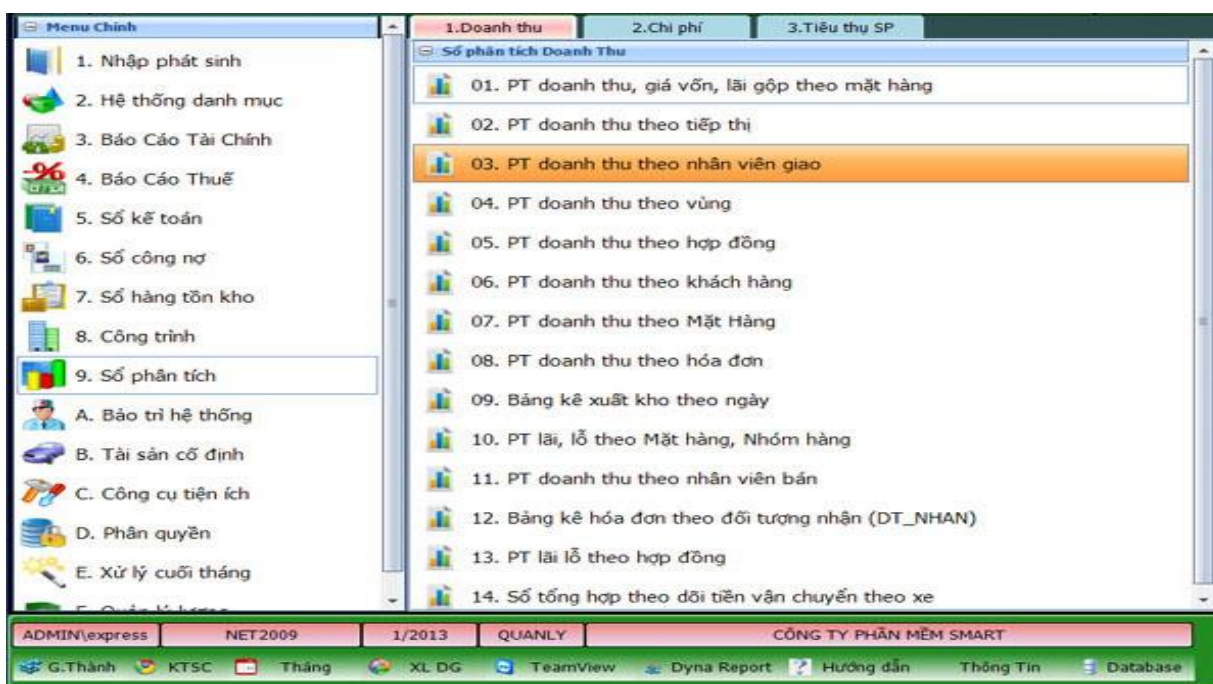
Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.



Fast Accounting có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting cho phép chạy trên web - based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này tạo thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh,... Hiện nay Fast có nhiều sản phẩm phù hợp với các loại hình doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán SMART



Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây dựng, Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ, XNK,...

Phần mềm kế toán MISA



Phần mềm Misa là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ được áp dụng trong các trường hợp: doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại có quy mô đơn giản, có mức độ quản lý không quá phức tạp hay những doanh nghiệp có yêu cầu về quản trị cao hơn và có mô hình hoạt động lớn ở mức độ tương đối hoặc những doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.

Phần mềm Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ theo quy định ban hành. Và điểm nổi trội nữa của Misa là chức năng thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu khá nhanh chóng; công nghệ bảo mật dữ liệu cao.

3.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty

Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán.

Ví dụ: Ngày 10/12/2016 xuất kho 20 tấn xi măng chinfon theo HĐ 0000731 – Công ty xây dựng Bạch Đằng 14.850.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán tiến hành như sau: lập phiếu xuất kho số 32/12 (**biểu 3.1**), sau đó ghi vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán (**biểu 3.2**) và sổ tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán (**biểu 3.3**).

Biểu 3.1: Phiếu xuất kho số 29/12

Công ty TNHH Hoài Ân 48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền				Mẫu số 02-VT (QĐ số 48/2006/QĐ-BTC) Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 10 tháng 12 năm 2016				Số: PX 29/12			
Số: PX 29/12				Nợ: 632 Có: 156			
Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thành An							
Địa chỉ (bộ phận): phố mới Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng							
Lý do xuất kho: Xuất kho hàng bán							
Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa				Địa điểm:			
Stt	Tên, nhãn hiệu	Mã hàng	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng chinfon	XM50	tấn	10	10		12.262.886
	Cộng			10	10		12.262.886
Tổng số tiền viết bằng chữ: chín triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn không trăm hai mươi đồng							
Người lập phiếu (Ký, họ tên)		Người nhận hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
				Ngày 10 tháng 12 năm 2016			

Biểu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán**Công ty TNHH Hoài Ân****48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền****SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Tên sản phẩm xi măng chinfon Mã hàng hóa: XM50

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Ctù		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	NT				
					
3/12	PX 20/12	3/12	Xuất bán cho công ty TNHH Trúc Mai	10	1.226.286	12.262.886
10/12	PX 29/12	10/12	Xuất bán cho công ty xây dựng Bạch Đằng	10	1.226.286	12.262.886
					
			Cộng phát sinh	25		30.657.150

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 3.3: Sổ tổng hợp giá vốn hàng bán**Công ty TNHH Hoài Ân****48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền****SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

Stt	Tên sản phẩm	Mã SP	Giá vốn hàng bán
1	Xi măng chinfon	XM50	30.657.150
2	Gạch men 60	G60x60	20.366.650
3	Gạch men 80	G80x80	20.897.675
4	Gạch 40	G40x40	25.645.019

	Cộng		681.963.959

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)*

3.2.3. Mở sổ nhật ký đặc biệt trong công tác kế toán bán hàng

Hệ thống sổ kế toán ở mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện thì phải bao gồm từ hệ thống sổ chi tiết tới tổng hợp.

Công ty nên mở sổ nhật ký đặc biệt: nhật ký thu tiền, nhật ký bán hàng để theo dõi việc bán hàng, thu tiền nhằm nâng cao tín hiệu quả trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng nói riêng.

Các mẫu sổ nhật ký đặc biệt ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Từ chứng từ kế toán kế toán ghi vào sổ nhật ký đặc biệt.

Sổ nhật ký bán hàng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của công ty, ghi chép các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức thu tiền sau.

Sổ nhật ký thu tiền dùng để ghi chép các nghiệp vụ thu tiền của công ty. Sổ này mở riêng cho thu tiền mặt, thu tiền ngân hàng, cho từng loại tiền.

Biểu 3.4: Sổ nhật ký bán hàng

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số: S03a4-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu người mua (Ghi nợ)	Ghi Có TK doanh thu		
	SH	NT			5111	3331	5113
			Số trang trước chuyển sang				
				
10/12	HĐ 0000731	10/12	Doanh thu bán hàng cty xây dựng Bạch Đằng	131	13.500.000	1.350.000	
				
25/12	HĐ 0000745 PT 25	25/12	Doanh thu bán hàng cty TNHH Thành Anh	111	11.450.000	1.145.000	
			Cộng chuyển sang trang sau				

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.5: Sổ Nhật ký thu tiền

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số: S03a1-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN
 Tháng 12 năm 2016

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 1111	Ghi có các tài khoản				
	SH	NT			5111	5113	3331	Tài khoản khác	
							
			Số trang trước chuyển						
								
20/12	HĐ 0000745 PT 25	25/12	Bán hàng cho cty TNHH Thành Anh	11.450.000	11.450.000				
				1.145.000			1.145.000		
								
			Cộng chuyển trang sau						

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.4. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hoạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hoạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131

Cuối tháng kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Ví dụ: Ngày 10/12/2016, xuất bán hàng cho công ty xây dựng Bạch Đằng theo HĐ 0000731 với số tiền là 14.850.000 (giá đã gồm thuế VAT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

Khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn thì công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại là 5% trừ vào nợ phải thu. Áp dụng vào hóa đơn bán hàng số 0000731.

Kế toán định khoản như sau:

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 131 : 14.850.000

Có TK 5111: 13.500.000

Có TK 3331: 1.350.000

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 5211 : 675.000

Nợ TK 3331 : 67.500

Có TK 131 : 742.500

Kết chuyển chiết khấu thương mại:

Nợ TK 5111 : 742.500

Có TK 5211: 742.500

Biểu 3.6: Hóa đơn GTGT số 0000731

Công ty TNHH Hoài Ân 48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000731	
HOÁ ĐƠN GTGT Liên 3: Nội bộ Ngày 10/12/2016					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH HOÀI ÂN Mã số thuế: Địa chỉ: 48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền – Hải Phòng Số TK: 7114633780					
Đơn vị mua hàng: Công ty xây dựng Bạch Đằng Mã số thuế: 5701034333 Địa chỉ: phố mới Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng Số TK: 6904639108 Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xi măng chinfon	tấn	10	1.350.000	13.500.000
Cộng tiền hàng:					13.500.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.350.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					14.850.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng.					
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu 3.7: Phiếu hạch toán số 25/12**Công ty TNHH Hoài Ân****48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền****PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 25/12

Đơn vị: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Chiết khấu cho công ty xây dựng Bạch Đằng	511	521	742.500	
	Cộng			742.500	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.8: Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
12/12	HDGTGT 0000731	12/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Xuân Hòa	131	14.850.000	
				5111		13.500.000
				3331		1.350.000
12/12	PHT 25/12	12/12	Chiết khấu cho công ty xây dựng Bạch Đằng	5211	675.000	
				3331	67.500	
				131		742.500
					
31/12	HDGTGT 0219057 PC 26/12	31/12	Cô Hậu thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219057	642	585.904	
				1331	58.590	
				1111		644.494
31/12	PHT 25/12	31/12	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111	675.000	
				5211		675.000
					
			Cộng		8.211.553.173	8.211.553.173

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.9: Sổ cái TK 521

Công ty TNHH Hoài Ân
48/16 đường vòng Vạn Mỹ – Ngô Quyền

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Các khoản giảm trừ doanh thu

Số hiệu: 521

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Ctù		Diễn giải	TKĐU'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
12/12	PHT 25/12	12/12	Chiết khấu cho công ty xây dựng Bạch Đằng	131	675.000	
31/12	PHT 18/12	31/12	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111		675.000
			Cộng số phát sinh		675.000	675.000
			Dư cuối kỳ			

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu, đề tài đã đạt được những kết quả:

➤ *Về mặt lý luận*: hệ thống hóa được những lý luận liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán hiện hành.

➤ *Về mặt thực tế*: trên cơ sở đó, đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân trong một kỳ kế toán của năm 2017 theo chế độ kế toán hiện hành và từ đó thấy được những ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

+ *Về tổ chức bộ máy kế toán*: bộ máy kế toán được tổ chức một cách hệ thống, có kế hoạch và sự phối hợp chặt chẽ, hoạt động liên tục đảm bảo cung cấp các thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

+ *Về hệ thống chứng từ kế toán*: xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản được vận dụng theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

+ *Hình thức kế toán áp dụng*: áp dụng hình thức kế toán máy phù hợp với quy mô, loại hình và đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*: đã biết gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép đầy đủ, chính xác, chi tiết và đảm bảo nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí. Đồng thời, việc tập hợp các khoản mục doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh luôn được thực hiện kịp thời và chính xác.

Tuy nhiên Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

+ Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, góp phần rút ngắn thời gian thu hồi vốn.

+ Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong khi các khoản nợ phải thu của Công ty trong năm là khá lớn

+ Chưa tiến hành so sánh sự biến động trong doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để thấy được mức độ hiệu quả của hoạt động trong kỳ, mức độ tăng lợi nhuận

so với mức độ gia tăng doanh thu và chi phí trong kỳ để đưa ra các biện pháp nhằm quản lý tốt và tiết kiệm chi phí.

+ Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban diễn ra thường xuyên với số lượng lớn nhưng Công ty lại không có biên bản ghi nhận việc bàn giao chứng từ để quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất hoặc thất lạc.

Trên cơ sở phân tích và thấy được các ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoài Ân như trên, đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí như sau:

-Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán tùy thuộc vào quy mô, thời gian thu hồi các khoản nợ cũng như mức lãi suất trên thị trường tại từng thời điểm

-Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

-Công ty nên tiến hành so sánh sự biến động của doanh thu, chi phí nhằm góp phần tăng cường công tác quản lý chi phí.

-Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ bằng cách sử dụng các Phiếu giao nhận chứng từ trong quá trình giao nhận.

Trên đây là toàn bộ nội dung đề tài nghiên cứu khoa học ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại Công ty TNHH Hoài Ân.***

Do kiến thức thực tế của bản thân còn hạn chế cộng với sự hạn chế trong thời gian nghiên cứu nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ, đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!